

VĂN BẢN PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Số: 87/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 22 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết 73/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 480/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023, Văn bản số 339/STNMT-QHKHSDD ngày 01 tháng 02 năm 2024 và của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai tại Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 (kèm theo Thông báo số 218/TB-HĐTĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Thẩm định quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về việc thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai; Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai và hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai⁽¹⁾, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch: 98.021,81 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 91.229,84 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 6.786,55 ha.
- Đất chưa sử dụng: 5,42 ha.

(chi tiết có Biểu số 01 kèm theo).

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất: 512,2 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 418,24 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 93,96 ha.

(chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất: 440,49 ha, trong đó:

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông nhất tại cuộc họp ngày 22 tháng 02 năm 2024.

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 440,49 ha.
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 0,0 ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 0,0 ha.

(chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: 0 ha.

(kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất)

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, hợp pháp, thống nhất số liệu, tài liệu với thực tế và theo đúng quy định của pháp luật trong hồ sơ trình. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung thẩm định, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ, số liệu, tài liệu và nội dung trình. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu phát sinh nội dung chưa phù hợp với thực tế và các quy định pháp luật có liên quan thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý, sử dụng đất đúng theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, chỉ được tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải thẩm định về nhu cầu sử dụng đất trên cơ sở hạn mức được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khi đã đảm bảo các quy định của pháp luật, phù hợp với các Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch đô thị, quy định về đầu nối vào quốc lộ⁽²⁾, tỉnh lộ, Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ khoanh vùng đất đai theo khu vực chức năng và từng loại đất trên đơn vị hành chính cấp huyện trong Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁽³⁾, Kế hoạch sử dụng

⁽²⁾ Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021): Đường từ nhà ở chỉ được đầu nối vào quốc lộ thông qua đường nhánh, đường gom. Khi hình thành hoặc mở rộng địa giới hành chính của đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải sử dụng hệ thống đường địa phương hiện có hoặc xây dựng đường gom dọc theo quốc lộ nhằm giảm thiểu tối đa việc đầu nối trực tiếp vào quốc lộ; và các quy định liên quan.

⁽³⁾ Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4148/UBND-NNTN ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc chuẩn bị cho công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện.

đất 5 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh, quy định về đầu nối vào quốc lộ⁽⁴⁾, tỉnh lộ. Tuyệt đối không được hợp thức hóa đối với những diện tích đất vi phạm pháp luật khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nhất là đối với các phần diện tích đất được cấp có thẩm quyền giao, cho thuê để thực hiện các dự án nông nghiệp (*trồng cao su, cà phê và các loại cây trồng khác, . . .*), không được chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang mục đích khác (*đất nông nghiệp khác...*) để thực hiện các dự án khác nhằm hợp thức hóa các sai phạm trong quá trình quản lý, sử dụng các phần diện tích đất nông nghiệp được giao, cho thuê nêu trên. Thực hiện thu hồi đất đối với trường hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải có văn bản chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 68 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; đối với các dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 chỉ được thực hiện thu hồi đất khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi đất đối với các dự án chậm hoặc không triển khai. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng; phát triển du lịch, dịch vụ và thương mại. Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo kế hoạch sử dụng.

5. Thực hiện tốt chính sách thu hồi, chuyển mục đích, giao cho thuê đất theo đúng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

⁽⁴⁾ Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021*): Đường từ nhà ở chỉ được đầu nối vào quốc lộ thông qua đường nhánh, đường gom. Khi hình thành hoặc mở rộng địa giới hành chính của đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải sử dụng hệ thống đường địa phương hiện có hoặc xây dựng đường gom dọc theo quốc lộ nhằm giảm thiểu tối đa việc đầu nối trực tiếp vào quốc lộ; và các quy định liên quan.

7. Định kỳ hàng quý báo cáo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để theo dõi, tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Sâm

Biểu số 01: DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT PHÂN BỐ TRONG NĂM KẾ HOẠCH*(Kèm theo Quyết định số: 87 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích tự nhiên		98.021,81	43.669,18	32.541,42	21.811,21
1	Đất nông nghiệp	NNP	91.229,84	38.381,06	31.946,29	20.902,49
	<i>Trong đó:</i>		-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	139,96	84,18	36,43	19,35
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	45,39	35,23	1,77	8,39
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.690,18	1.088,46	800,92	800,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.606,61	6.746,77	497,72	1.362,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	79.757,79	30.446,60	30.607,95	18.703,24
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	55.498,83	21.081,96	25.774,94	8.641,93
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,99	7,40	3,27	4,32
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	20,31	7,65	-	12,66
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.786,55	5.282,70	595,13	908,72
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	367,00	279,72	23,40	63,88
2.2	Đất an ninh	CAN	6,27	5,82	0,27	0,18
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	20,02	15,20	3,23	1,59
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	93,78	62,71	10,97	20,10
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	11,00	5,84	-	5,16
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.135,82	4.507,98	216,94	410,90
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	911,82	412,68	197,22	301,92
-	Đất thủy lợi	DTL	272,06	184,76	-	87,30
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,00	5,68	0,32	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,54	7,84	1,70	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	25,01	16,68	3,19	5,14
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,00	5,00	-	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3.868,81	3.850,91	4,10	13,80
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,39	0,31	0,04	0,04
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,00	5,00	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,70	0,70	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	28,49	16,42	10,37	1,70
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,30	0,30	-	-
-	Đất chợ	DCH	2,70	1,70	-	1,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,56	2,53	0,83	0,20
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	14,22	6,22	8,00	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	640,90	231,38	185,07	224,45
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,82	15,57	1,79	3,46
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,51	0,71	1,80	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	427,75	137,63	129,10	161,02
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	29,78	3,11	10,39	16,28
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	13,12	8,28	3,34	1,50
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,42	5,42	-	-

Biểu số 02: KẾ HOẠCH THU HỒI CÁC LOẠI ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số: 87 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Ia Toi	Ia Dom	Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)
	Tổng		512,20	407,99	35,43	68,78
1	Đất nông nghiệp	NNP	418,24	344,16	27,92	46,16
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	35,87	28,63	2,45	4,79
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	116,80	86,72	14,24	15,84
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	265,57	228,81	11,23	25,53
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	137,64	137,64		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	93,96	63,83	7,51	22,62
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,03	5,03		
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,00	2,00		
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	56,79	34,43	7,51	14,85
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	51,53	29,43	7,51	14,59
-	Đất thủy lợi	DTL	0,59	0,33		0,26
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,49	4,49		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,18	0,18		
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	11,82	11,82		
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,33	0,33		
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	17,99	10,22		7,77

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi thu hồi thì chỉ được thực hiện thu hồi đất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số: 87 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	440,49	350,64	42,19	47,66
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	39,08	31,84	2,45	4,79
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	117,10	86,87	14,39	15,84
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	284,31	231,93	25,35	27,03
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>137,64</i>	<i>137,64</i>		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp					
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT				

(a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác. PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Biểu số 04: KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG
(Kèm theo Quyết định số: 87/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Tơi	Xã Ia Đom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(7)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp	NNP				
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN				
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT				
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT				
-	Đất thủy lợi	DTL				
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(7)	(5)	(6)	(7)
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD				
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT				
-	Đất công trình năng lượng	DNL				
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV				
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD				
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH				
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	19
1. Mục tiêu lập kế hoạch sử dụng đất.....	19
2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất.....	20
3. Các phương pháp thực hiện.....	22
4. Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H’Drai.....	23
5. Nội dung chính của báo cáo gồm:.....	23
PHẦN I.....	24
KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	24
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN.	24
1. Điều kiện tự nhiên.....	24
2. Các nguồn Tài nguyên.....	27
3. Thực trạng môi trường.....	28
II. Thực trạng phát triển Kinh tế - Xã hội.....	31
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	39
I. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	39
1. Đất nông nghiệp (NNP).....	42
2. Đất phi nông nghiệp (PNN).....	44
3. Đất chưa sử dụng (CSD).....	49
II. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	50
III. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	50
1. Nguyên nhân khách quan.....	50
2. Nguyên nhân chủ quan.....	51
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	53
II. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	55
1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	55
2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân.....	58
3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	61
4. Diện tích đất chuyên mục đích sử dụng trong năm 2024.....	78
5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024	78
6. Danh mục các công trình, dự án trong năm 2024.....	79
7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2024.....	88
PHẦN IV.....	92
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	92
I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	92
II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	92

III. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.	93
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	95
I. Kết luận.....	95
II. Kiến nghị.	95

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến ngày 31/10/2023.....	39
Bảng 2. Danh mục dự án đã thực hiện trong năm 2023.....	49
Bảng 3. Dự án chưa thực hiện trong năm 2023 chuyển sang thực hiện trong năm 2024.....	55
Bảng 4. Nhu cầu đất quốc phòng năm 2024	58
Bảng 5. Nhu cầu đăng ký mới năm 2024.....	59
Bảng 6. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất năm 2024	59
Bảng 7. Các khu vực sử dụng đất khác	61
Bảng 8. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai	65
Bảng 9. Chỉ tiêu sử dụng đất lúa năm 2024	67
Bảng 10. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2024.....	67
Bảng 11. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2024	68
Bảng 12. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất năm 2024	68
Bảng 13. Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2024.....	69
Bảng 14. Chỉ tiêu sử dụng nông nghiệp khác năm 2024	69
Bảng 15. Chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng năm 2024	70
Bảng 16. Chỉ tiêu sử dụng đất an ninh năm 2024.....	70
Bảng 17. Chỉ tiêu sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2024.....	70
Bảng 18. Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.....	71
Bảng 19. Chỉ tiêu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng năm 2024.....	71
Bảng 20. Chỉ tiêu sử dụng đất phát triển hạ tầng năm 2024	71
Bảng 21. Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông năm 2024.....	72
Bảng 23. Chỉ tiêu sử dụng đất văn hóa năm 2024	72
Bảng 24. Chỉ tiêu sử dụng đất y tế năm 2024	73
Bảng 25. Chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục năm 2024	73
Bảng 26. Chỉ tiêu sử dụng đất thể dục thể thao năm 2024	73
Bảng 27. Chỉ tiêu sử dụng đất năng lượng năm 2024.....	74
Bảng 28. Chỉ tiêu sử dụng đất làm nghĩa trang năm 2024.....	75
Bảng 29. Chỉ tiêu sử dụng đất chợ năm 2024	75
Bảng 30. Chỉ tiêu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng năm 2024	75

Bảng 31. Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2024.....	76
Bảng 32. Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024.....	76
Bảng 33. Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp năm 2024	76
Bảng 34. Chỉ tiêu sử dụng đất sông suối năm 2024.....	77
Bảng 35. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp khác năm 2024	77
Bảng 36. Diện tích đất chuyên mục đích sử dụng trong năm 2024.....	78
Bảng 37. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024	78
Bảng 38. Các công trình sử dụng đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất Đai để thực hiện thu hồi đất trong năm 2024.....	80
Bảng 39. Các dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn trong năm 2024.....	84
Bảng 40. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh	88
Bảng 41. Tổng nguồn thu trong năm 2024	90
Bảng 42. Tổng nguồn chi trong năm 2024	90

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

KT-XH	Kinh tế-Xã hội.
KH	Kế hoạch.
TT-BTNMT	Thông tư - Bộ Tài nguyên Môi trường.
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường.
NĐ-CP	Nghị định-Chính phủ.
BTNMT-TCQLĐĐ	Bộ Tài nguyên và Môi trường-Tổng cục Quản lý đất đai.
TCQLĐĐ-CQHĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai-Cục Quy hoạch đất đai.
NQ-HĐND	Nghị quyết -Hội đồng nhân dân.
QĐ-UBND	Quyết định-Ủy ban nhân dân.
UBND-KTN	Ủy ban nhân dân-Kinh tế ngành.
STNMT-CCQLĐĐ	Sở Tài nguyên Môi trường-Chi cục quản lý đất đai.
KHSD	Kế hoạch sử dụng.
QSD	Quyền sử dụng.
THCS	Trung học cơ sở.
QL	Quốc lộ.
ĐT	Đường tỉnh.
NĐ-CP	Nghị định -Chính phủ.
TTCQLĐĐ	Tổng cục quản lý đất đai.
TT	Thông tư.
CT-TTg	Chỉ thị-Thủ tướng Chính phủ.
UBND	Ủy ban nhân dân.
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013, tại Chương I, Điều 53 quy định “*Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*”, tại Điều 54 đã quy định “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*”.

Luật Đất đai năm 2013 tại Chương II, Điều 22 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Điều 40, 44, Luật Đất đai năm 2013 đã quy định nguyên tắc, căn cứ, nội dung lập và thẩm định kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Theo quy định tại Điều 63, Luật Đất đai năm 2013 thì Kế hoạch sử dụng đất hàng năm là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình vì mục đích Quốc phòng, An ninh, phát triển Kinh tế - Xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là yêu cầu đặc biệt để sắp xếp quỹ đất đai cho các lĩnh vực và đối tượng sử dụng hợp lý, có hiệu quả phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, tránh được sự chồng chéo, gây lãng phí trong việc sử dụng đất, hạn chế tình trạng sử dụng trái phép, phá vỡ môi trường sinh thái cảnh quan.

Để đảm bảo sự phù hợp với các quy định mới về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đồng thời nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện trong năm 2024, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và lợi thế của huyện, sử dụng đất tiết kiệm, bền vững.

Thực hiện Công văn số 1862/STNMT-QHKHSDĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện. Ủy ban nhân dân huyện Ia H’Drai giao phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Phòng, Ban, Ủy ban nhân dân các xã và Đơn vị tư vấn tổ chức triển khai thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H’Drai theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và đảm bảo phù hợp, thống nhất với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Mục tiêu lập kế hoạch sử dụng đất.

- Đánh giá tình hình quản lý, hiện trạng, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện Ia H’Drai.

- Đề xuất khoanh định, phân bổ đất đai đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2024, đảm bảo hài hoà các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh, huyện.

- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội, quốc phòng, an ninh trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng... phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Đảm bảo sử dụng tài nguyên đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời cải tạo, bảo vệ môi trường để phát triển và sử dụng đất bền vững.

- Phân bổ sử dụng quỹ đất hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích và hiệu quả, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái của địa phương cho những năm trước mắt và lâu dài. Đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương

- Thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển góp phần phục vụ đời sống sinh hoạt cho nhiều tầng lớp nhân dân địa phương.

- Tạo điều kiện về đất đai để phát triển các ngành nghề, có những bước chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu Kinh tế - Xã hội.

- Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước đối với đất đai.

2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất.

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quản lý và sử dụng đất lúa;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc đính chính thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của bộ tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị Quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung Điều 9 của quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai;

- Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai;

- Công văn số 1862/STNMT-QHKHSDD ngày 05/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện; Công văn số 2763/STNMT-QHKHSDD ngày 05/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc đôn đốc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện.

- Thông báo số 218/TB-HĐTĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai.

3. Các phương pháp thực hiện.

3.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu.

- *Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa:* là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- *Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có:* Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai; các loại bản đồ địa chính phù hợp với nội dung xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

3.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu.

Chọn một số dự án lớn nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm trước đã được phê duyệt để điều tra chi tiết về kết quả thực hiện, phân tích các nguyên nhân hoàn thành dự án hoặc những tồn tại làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch và giải pháp khắc phục.

Diễn hình như các dự án: DHSCHCB xã Ia Toi; TTHL xã Ia Toi; Đường giao thông từ cầu Draih đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07 Xã Ia Đal; Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi; Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025 xã Ia Toi; Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh) xã Ia Toi; Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện xã Ia Toi; Nghĩa trang nhân dân huyện xã Ia Toi; Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai xã Ia Toi; Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ) xã Ia Toi; Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai; Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung

điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai; Điểm dân cư số 48 mở rộng xã Ia Dom;...

3.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ.

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation,...

3.4. Nhóm phương pháp tiếp cận.

- Phân tích định tính và định lượng về tiềm năng đất đai, khả năng sử dụng đất.

- Phân tích hệ thống các mối quan hệ vĩ mô và vi mô, tổng thể.

- Phương pháp cân đối trong quan hệ khai thác tiềm năng đất đai với điều kiện khả thi sử dụng đất và cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường.

3.5. Phương pháp chuyên gia.

Tham khảo ý kiến của các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực, để trao đổi về cách nhìn nhận, đánh giá và các gợi ý về giải pháp thực hiện.

3.6. Phương pháp minh họa trên bản đồ.

Đây là phương pháp đặc thù của công tác quy hoạch sử dụng đất. Các loại đất theo mục đích sử dụng được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/25.000, thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, ...).

4. Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai.

- Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai;

- Báo cáo tổng hợp thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai và hệ thống bảng biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ kèm theo;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai tỉ lệ 1/25.000;

- Bản đồ kế hoạch chuyên mục đích sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai;

- Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai;

- Các văn bản liên quan được thu thập và xây dựng trong quá trình thực hiện kế hoạch.

5. Nội dung chính của báo cáo gồm:

- Phần mở đầu: Đặt vấn đề.

- Phần I: Điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội.

- Phần II: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất.

- Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Phần V: Kết luận và kiến nghị.

- Hệ thống Biểu số liệu trong Kế hoạch sử dụng đất.

PHẦN I

KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN.

1. Điều kiện tự nhiên.

Huyện Ia H'Drai là huyện biên giới giáp CamPuChia, Trung tâm huyện Ia H'Drai đóng trên địa bàn xã Ia Tơi, cách trung tâm thành phố Kon Tum 130km; Cách Ủy ban nhân dân xã Mô Rai, huyện Sa Thầy về phía Tây Bắc khoảng 55km; Cách huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai khoảng 20 km, cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, hiện có tuyến Quốc lộ 14C qua trung tâm huyện là tuyến đường giao thông quan trọng của huyện, tuyến đường tuần tra biên giới nằm ở phía Tây chạy dọc theo địa bàn giúp cho huyện có lợi thế trong việc thông thương, giao lưu trao đổi hàng hóa với các khu vực lân cận, huyện có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh, quốc phòng.

1.1. Vị trí địa lý.

* Tọa độ địa lý:

+ Từ 13⁰55'50'' đến 14⁰28'30'' Vĩ độ Bắc.

+ Từ 107⁰22'25'' đến 107⁰44'22'' Kinh độ Đông.

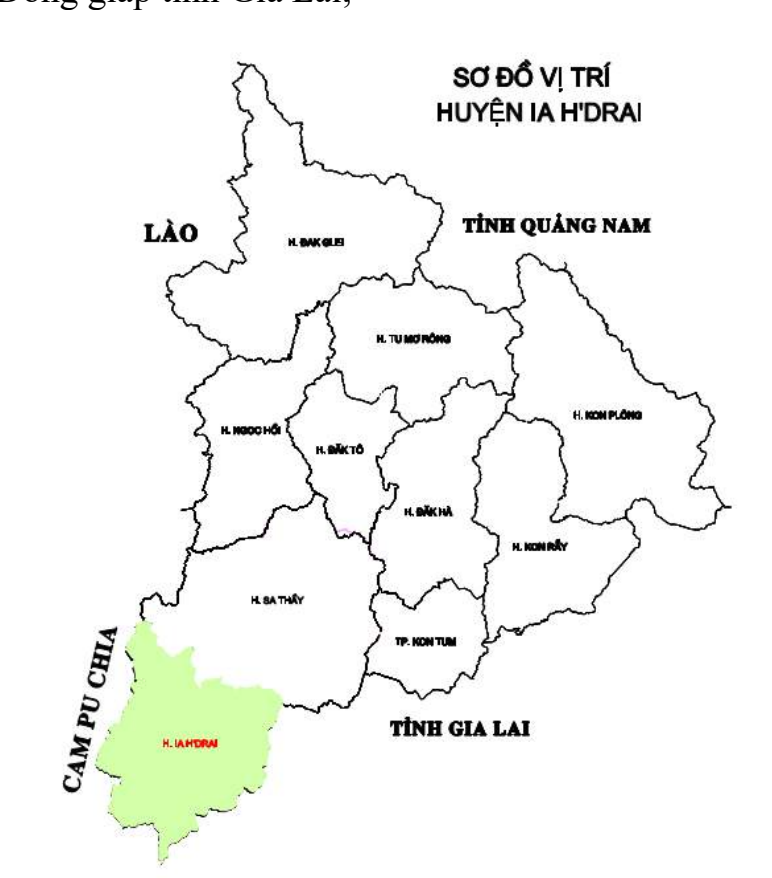
* Ranh giới hành chính:

+ Phía Bắc giáp huyện Sa Thầy;

+ Phía Nam giáp Gia Lai và Cam Pu Chia;

+ Phía Tây giáp CamPuChia;

+ Phía Đông giáp tỉnh Gia Lai;



Hình 1. Sơ đồ vị trí huyện Ia H'Drai

1.2. Địa hình, địa mạo.

Huyện Ia H'Drai nằm ở phía Tây dãy Trường Sơn, địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và Đông sang Tây, dốc ở phía Bắc và độ dốc thấp 2% -5% ở phía Nam, phần lớn có độ dốc từ 15 - 25⁰.

Huyện Ia H'Drai có 2 dạng địa hình chính là:

Địa hình núi cao ở phía Đông - Bắc có độ cao trung bình từ 800m - 1.700m so với mực nước biển.

Địa hình đồi lượn sóng: Có độ cao trung bình từ 180m – 300m so với mực nước biển, với độ dốc phổ biến từ 8-25⁰. Trên địa hình này có điều kiện phát triển sản xuất cây nông nghiệp, mô hình nông lâm kết hợp. Địa hình thung lũng hẹp và vùng đất bồi tụ, là địa bàn chủ yếu sản xuất lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm.

Nhìn chung, địa hình của huyện rất đa dạng, khá phức tạp, mức độ chia cắt trung bình, độ dốc cao gây khó khăn trong xây dựng cơ sở hạ tầng như: giao thông, điện, truyền thanh truyền hình... Tuy nhiên những mặt thuận lợi là có khả năng xây dựng hồ đập thủy điện, thủy lợi. Ở những khu vực thung lũng, bãi bồi được bồi đắp nên hàng năm làm tăng thêm độ màu mỡ cho đất.

Địa hình khuất gió do được che chắn bởi các dãy núi cao phía Nam huyện là điều kiện tốt để phát triển cây dài ngày như: cao su, cà phê, cây ăn quả cho năng suất cao...

1.3. Khí hậu.

Do tính chất đặc thù khí hậu khu vực có nét chung của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa, lại mang tính chất của khí hậu Cao Nguyên.

- Nhiệt độ trung bình năm 22⁰C - 23⁰C.
- Lượng mưa trung bình trong năm 1.737mm.
- Độ ẩm bình quân 79,5%.
- Số giờ nắng bình quân trong năm là 1.981 giờ.

- Hướng gió chính: Hướng gió thịnh hành là hướng Đông Bắc và Tây Nam, tốc độ gió bình quân 2,6m/s.

Khí hậu huyện Ia H'Drai mang nét chung của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa và chịu ảnh hưởng của khí hậu Cao nguyên nói chung. Khí hậu được chia làm hai mùa (Mùa mưa và mùa khô), mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô kéo dài 6 tháng từ tháng 11- 4 năm sau, có gió Đông Bắc thổi mạnh, lượng nước bốc hơi lớn, gây khô hạn nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển cây trồng, vật nuôi. Đặc điểm mùa khô như vậy nên cần phải có biện pháp khắc phục bằng cách tăng cường công tác thủy lợi, nâng cấp, và xây dựng các hồ, đập để giữ nước và cung cấp nước cho nhu cầu phát triển Kinh tế-Xã hội và cho sinh hoạt của nhân dân.

Khu vực vùng cao su mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên có các yếu tố khí hậu như sau:

a. Nhiệt độ không khí:

- Nhiệt độ trung bình năm : 23,2° C.
- Nhiệt độ cao tuyệt đối : 37° C.
- Nhiệt độ thấp tuyệt đối : 15° C.
- Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất : 25,5° C.
- Nhiệt độ trung bình thấp nhất : 18° c.

Chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cao nhất vào các tháng 12,1,3(17° C)

b. Độ ẩm không khí:

- Độ ẩm trung bình: 85%
- Độ ẩm trung bình cao nhất (8,9,10): 95%
- Độ ẩm trung bình thấp nhất(12,1,2,3): 89%

c. Năng:

- Tổng số giờ nắng bình quân/năm: 2.200h.
- Số giờ nắng bình quân/ngày : 6,9h.
- Tháng có giờ nắng nhiều nhất : tháng 2,3,4 (12,7h/ngày).
- Tháng có giờ nắng thấp nhất : tháng 7,8,9 (6,7h/ngày).

d. Lượng mưa:

- Lượng mưa bình quân/năm : 1.787 mm.
- Lượng mưa năm cao nhất : 2.693 mm.
- Lượng mưa năm thấp nhất : 1.219 mm.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 10, lượng mưa cả năm chủ yếu tập trung vào các tháng này. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.

e. Lượng bốc hơi:

- Lượng bốc hơi bình quân/năm: 840 mm.
- Các tháng có lượng bốc hơi cao nhất: tháng 12,1,2,3.
- Các tháng có lượng bốc hơi thấp nhất : tháng 6,7,8,9,10.

f. Gió:

Có hai hướng gió chính thịnh hành:

Gió tây nam: Hoạt động từ tháng 6 đến tháng 10, tần suất cao nhất 30% vào tháng 7 và thấp nhất vào tháng 10.

Gió đông bắc: Hoạt động từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau, tần suất cao nhất 26% vào tháng 4,5 và thấp nhất vào tháng 11.

g. Khí hậu: Cây cao su phát triển ở nhiệt độ tối ưu 25°C, lượng mưa thích hợp từ 1.750 - 2.400 mm, số tháng khô 5-6 tháng/năm, độ ẩm : 80-85%, tốc độ gió trung bình 2-3m/s, số giờ nắng 1.800-2.400h.

1.4. Thủy văn.

Khu vực huyện Ia H'Drai có 2 con sông lớn và nhiều suối nhỏ được phân bố đều trên địa bàn:

Sông Sa Thầy nằm ở phía Tây Nam của khu vực, chảy theo hướng từ Bắc xuống Nam có nước quanh năm, diện tích lưu vực khoảng 150.000 ha, trên sông

này xây dựng được quy hoạch xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện lớn và nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Sông Sê San nằm ở phía Đông và Đông nam, ranh giới giữa hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

Do Tài nguyên nước dồi dào kết hợp với địa hình phong phú nên khu vực này rất có lợi thế phát triển thủy điện. Các công trình thủy điện lớn trên sông Sê San trên địa bàn huyện Ia H'Drai: Thủy điện Sê San 4-360 MW, Thủy điện Sê San 4a-63 MW,.....tất cả công trình thủy điện đã hoàn thành và phát điện hoà lưới quốc gia.

2. Các nguồn Tài nguyên.

2.1. Tài nguyên đất.

Với quỹ đất rộng, quỹ đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người lớn, và điều kiện địa hình, thổ nhưỡng phù hợp cho việc phát triển các loại cây công nghiệp (*cây cao su, điều...*) với quy mô lớn; đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành công nghiệp chế biến. Diện tích đất ở các khe suối, khu vực đầm lầy, hợp thủy phù hợp phát triển các loại cây ngắn ngày như lúa, ngô, sắn, đậu...; làm ao chẵn nuôi gia cầm, thủy sản.

Đất đai: Phù hợp với cây cao su sinh trưởng và phát triển được trên nhiều loại đất nhưng đất đỏ Bazan là loại đất phù hợp nhất, yêu cầu tầng đất dày >75cm, thành phần cơ giới là đất sét, sét cát, kết von hoặc đá lớn <50%, mức độ thoát nước bình thường, độ PH 4,5 -5,5.

Chất dinh dưỡng trong đất: Cây cao su cũng như các cây trồng khác cần được cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng: N,P,K,Ca,Mg và các nguyên tố vi lượng.

2.2. Tài nguyên nước.

- Nguồn nước mặt: Khu vực Ia H'Drai nằm trên lưu vực sông Sa Thầy, sông Sê San và các nhánh suối chảy qua các khu vực trong huyện. Lượng mưa trung bình hàng năm lớn, hệ thống sông suối dày. Nguồn nước mặt tương đối phong phú về mùa mưa, về mùa khô thường bị cạn kiệt, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Nguồn nước ngầm: Theo khảo sát sơ bộ, nguồn nước ngầm khá khan hiếm do độ sâu lớn và thường gặp nền đá móng phía dưới nên khó khai thác.

2.3. Tài nguyên rừng.

Với diện tích rừng lớn, phong phú và đa dạng về số lượng chủng loại động, thực vật là nơi chứa nhiều ghen động, thực vật quý hiếm có giá trị và ý nghĩa phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và bảo tồn thiên nhiên. Ngoài ra với hệ môi trường sinh thái phong phú và đa dạng, khả năng khai thác sử dụng vốn rừng giàu hoặc rừng trung bình đối với rừng thường xanh, nửa rụng lá và rừng hỗn giao tre nứa và rừng trồng trên đất sản xuất là có tiềm năng kinh tế lớn.

2.4. Tài nguyên khoáng sản.

Theo số liệu điều tra sơ bộ cho thấy trên địa bàn khu vực có các mỏ sắt, đá và các loại khoáng sản, cấu trúc khác nhau và vị trí nằm rải rác. Khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường: gồm vài điểm mỏ có thể khai thác đá xây dựng, cát xây dựng, cuội sỏi, ... đã thăm dò và đánh giá trữ lượng có thể đảm bảo cho đầu tư khai thác chế biến vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu cho nhân dân trong khu vực.

2.5. Tài nguyên nhân văn.

Thành phần các dân tộc trên địa bàn huyện bao gồm: người Kinh, dân tộc Thái, dân tộc Mường, dân tộc Tày, dân tộc Nùng, dân tộc Xơ Đăng, dân tộc Dao, dân tộc khác.... Cộng đồng các dân tộc trong huyện với những truyền thống, bản sắc riêng đã hình thành một nền văn hóa phong phú, có nhiều nét độc đáo và giàu bản sắc dân tộc.

3. Thực trạng môi trường.

Để bảo vệ môi trường, trước hết phải bảo vệ tài nguyên rừng, hạn chế suy thoái môi trường do biến động tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, hạn chế ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí tại đô thị và các khu môi trường nông thôn.

Theo báo cáo số 388/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, trên địa bàn huyện Ia H'Drai có 05 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường gồm Nhà máy chế biến mủ cao su Sa Thầy; Nhà máy chế biến TBS 230 tấn thành phẩm/ngày đêm - Công ty TNHH MTV ĐPTNN Ia H'Drai; Nhà máy chế biến mủ Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray; Nhà máy chế biến mủ cao su Duy Tân; Trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát. Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện chưa có cơ sở xử lý chất thải, bãi thải, do đó nguy cơ ô nhiễm từ chất thải sinh hoạt và sản xuất là vấn đề quan trọng cần được xem xét.

Qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng môi trường không khí năm 2023 trên địa bàn huyện khá tốt và ổn định, các thông số quan trắc tại vị trí đại diện của huyện đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; mức âm tương đương (L_{Aeq}) hầu hết nằm trong giới hạn tối đa cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}) hầu hết có giá trị cao hơn giới hạn tối đa cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT; mức gia tốc rung đều nằm trong giới hạn tối đa cho phép tại QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Không có các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí. Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn huyện được đánh giá tại điểm quan trắc trước chợ trung tâm huyện Ia H'Drai cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong môi trường không khí nằm ở ngưỡng an toàn. Cụ thể: nồng độ khí NO_2 là $12,64 \mu g/m^3$; nồng độ khí SO_2 là $14,63 \mu g/m^3$; nồng độ khí Co thấp hơn $2.975 \mu g/m^3$; tổng bụi

lượng là 67,82 $\mu\text{g}/\text{m}^3$.

Hàm lượng các chất trong môi trường nước mặt Sông Sê San cách Nhà máy thủy điện Sê San 4A khoảng 600 m về phía hạ lưu như sau: Oxy hòa tan 6,84 mg/l; nhu cầu oxy hóa học 16,14 mg/l; nhu cầu oxy sinh học 7,31 mg/l; nồng độ N-NO_3^- là 0,27 mg/l; nồng độ N-NH_4^+ là 0,07 mg/l; nồng độ P-PO_4^{3-} là 0,06 mg/l; nồng độ Coliform là 596 MPN/100 ml; nồng độ Pb là 0,002 mg/l. Đối với các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông và bảo vệ môi trường sống dưới nước: Thông số pH, DO và Coliform có giá trị nằm trong mức A của QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Chất lượng nước tốt có thể sử dụng cho mục đích sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp); thông số TSS có giá trị nằm trong mức B (Chất lượng nước trung bình có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp); thông số BOD_5 có 01 vị trí có giá trị nằm trong mức A, 02 vị trí nằm trong mức B, 15 vị trí nằm trong mức C (Chất lượng nước xấu có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp) và có 02 vị trí chỉ đạt mức D (Nước có chất lượng rất xấu, nồng độ chất ô nhiễm cao, có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp); thông số COD có 02 vị trí có giá trị nằm trong mức A, 02 vị trí nằm trong mức B, 08 vị trí nằm trong mức C và 08 vị trí chỉ đạt mức D. Đối với các thông số quan trắc còn lại NH_4^+ , Pb, CN^- đa số đều có giá trị nằm trong giới hạn tối đa của QCVN 08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, riêng thông số E.Coli có 01 vị trí có giá trị vượt giới hạn tối đa 1,03 lần và hàm lượng Fe tại 16/20 vị trí có giá trị vượt giới hạn tối đa từ 1,26 - 10,7 lần.

Chất lượng nước các chất trong môi trường nước ngầm như sau: nồng độ NH_4^+-N 0,021 mg/l; nồng độ $\text{NO}_3^- - \text{N}$ 0,533 mg/l; nồng độ Coliform thấp hơn 1 MPN/100ml; nồng độ As thấp hơn 0,0005 mg/l; nồng độ Fe là 0,02 mg/l. Từ kết quả quan trắc môi trường nước dưới đất trung bình 9 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh, khi so sánh với giá trị giới hạn của các thông số quy định tại QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất và QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt cho thấy hầu hết các thông số quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn.

Hàm lượng các chất trong môi trường đất như sau: nồng độ pH (H_2O) là 5,4; nồng độ pH (KCl) là 5,9; N tổng 0,1%; P tổng 0,02 (%); nồng độ Cu 4 mg/kg đất khô; nồng độ Cd 0,2 mg/kg đất khô; nồng độ Zn 19,1 mg/kg đất khô; nồng độ Pb 13,2 mg/kg đất khô; nồng độ As 0,3 mg/kg đất khô; nồng độ Cr 16,2 mg/kg đất khô. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất năm 2023 đều có hàm lượng các kim loại nặng nằm trong giới hạn Loại 1 của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất, điều đó cho

thấy chất lượng đất có xu hướng ổn định, không bị ô nhiễm bởi các thông số kim loại nặng trong đất.

4. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất.

Biến đổi khí hậu làm lượng mưa hàng năm biến động thất thường, khác biệt giữa các mùa trong năm ngày càng rõ rệt. Mùa mưa bão, mưa lớn tập trung, sông suối ngấn và dốc gây ra lũ lụt, ngập úng bão lũ không những gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của người dân, mà còn gây nên các hiện tượng xói mòn, sạt lở đất làm ảnh hưởng đến chất lượng và diện tích đất sử dụng trên địa bàn huyện.

Mùa khô, mực nước ít biến động và thường có xu thế giảm dần từ đầu mùa đến gần cuối mùa; dòng sông cạn kiệt, hàm lượng phù sa trong nước đạt thấp ảnh hưởng xấu tới cây trồng, cản trở lớn trong phát triển kinh tế một số ngành.

Nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu theo Kế hoạch số 3426/KH-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai thực hiện trồng khoảng 300 ha rừng để nâng độ che phủ rừng, bảo vệ diện tích rừng hiện có. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; Phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

Nông nghiệp và an ninh lương thực: đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; Khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững; Nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; Bảo đảm an ninh lương thực thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của huyện và nhu cầu của thị trường; Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; Cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái và góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng.

Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu: Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; Nâng cấp, cải tạo các công

trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng, chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, đảm bảo hiệu quả cho phát triển Kinh tế - Xã hội.

II. Thực trạng phát triển Kinh tế - Xã hội.

Theo số liệu tại Báo cáo số 744/BC-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ước thực hiện năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 như sau:

1. Về kinh tế

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định, ước thực hiện năm 2023 là 9.000 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, bằng 99,28% so với cùng kỳ. Trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 25,71%; công nghiệp - xây dựng bằng 92,2% so với cùng kỳ; thương mại - dịch vụ tăng 13,21%. Giá trị và tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 2.200 tỷ đồng, chiếm 24,44%; Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 6.500 tỷ đồng, chiếm 72,22%; Khu vực thương mại - dịch vụ đạt 300 tỷ đồng, chiếm 3,33%.

Đến ngày 31/10 thu ngân sách nhà nước tại địa bàn là 64.174 triệu đồng, đạt 94,93% dự toán tỉnh giao, đạt 91,68% dự toán huyện giao; ước thực hiện cả năm 70.000 triệu đồng, đạt 103% dự toán tỉnh giao, đạt 100% dự toán huyện giao. Thu ngân sách huyện cả năm ước thực hiện 417.230 triệu đồng, đạt 163,76% dự toán tỉnh giao đầu năm.

Đến tháng 10, tổng dư nợ Ngân hàng chính sách xã hội đạt 195.082 triệu đồng/955 lượt khách hàng, tăng 21.196 triệu đồng so với cuối năm 2022, đạt 98,85% kế hoạch. Trong đó vốn ủy thác đầu tư tại địa phương 10.736 triệu đồng/10.795 triệu đồng, đạt 99,45% kế hoạch. Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm đến nay đạt 50.504 triệu đồng. Doanh số thu nợ lũy kế đạt 29.654 triệu đồng. Thu lãi đạt 99,7%.

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 (đã giao vốn) 213.466 triệu đồng (trong đó: Vốn đầu tư 182.395 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 31.070 triệu đồng), đến ngày 20/10 đã giải ngân 123.443 triệu đồng, đạt 57,83% kế hoạch (trong đó: Vốn đầu tư 113.418 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 10.025 triệu đồng). Ước thực hiện đến ngày 31/12 đạt 75% kế hoạch và đến ngày 31/01/2024 đạt 100% kế hoạch.

Nông, lâm nghiệp và thủy sản: Ước thực hiện năm 2023, tổng diện tích cây trồng toàn huyện 29.089 ha, đạt 100,83% kế hoạch, bằng 101% so với cùng kỳ. Người dân và doanh nghiệp tiếp tục trồng mới vụ mùa năm 2023: Cây cao su 180 ha, cây ăn quả 47,8 ha, cây dược liệu 56,3 ha; cây sắn 1.800 ha, cây hàng năm 174 ha, cây lúa đạt 228,6 ha... Sản lượng khai thác mủ cao su đạt 81.200 tấn mủ tươi (32.480 tấn mủ khô). Tổng đàn gia súc 8.520 con, đạt 100,06% kế hoạch, tăng 3,84% so với cùng kỳ; đàn gia cầm 50.000 con, đạt 100% kế hoạch, tăng 10,5% so với cùng kỳ. Sản lượng thủy sản đạt 375 tấn, đạt 100% kế hoạch

và tăng 15,38% so với cùng kỳ. Công tác phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi cơ bản đảm bảo, tuy nhiên trong tháng 8 phát hiện 01 ổ dịch bệnh Dịch tả lợn Châu phi tại thôn 3, xã Ia Dom.

Quản lý bảo vệ rừng được triển khai quyết liệt, duy trì 03 chốt kiểm soát liên ngành quản lý lâm sản, tổ chức 44 đợt/326 lượt người tuần tra, truy quét, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, xử lý 02 vụ/2,84 Ster củi và 01 vụ/81,5 kg vận chuyển Ươi khô trái phép; 05 vụ vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật (*giảm 66,67% số vụ, giảm 100% khối lượng vi phạm so với cùng kỳ*). Công tác trồng rừng được triển khai sớm từ nguồn vốn xã hội hóa, đã trồng 386,3 ha/364 ha rừng tập trung, đạt 106,13%, trồng 45.931 cây/40.000 cây phân tán, đạt 115% kế hoạch; đồng thời trồng dặm, trồng bù diện tích rừng trồng năm 2022, có biện pháp chăm sóc, bảo vệ đảm bảo cây trồng phát triển thành rừng.

Công nghiệp – xây dựng: 10 tháng đầu năm 2023: 03 nhà máy chế biến mủ cao su đạt sản lượng gần 12.000 tấn mủ tươi; 03 nhà máy thủy điện Sê San 3A, Sê San 4, Sê San 4A đạt sản lượng 1.900 triệu KW/h. Sản lượng điện năng lượng mặt trời áp mái nhà của Công ty cổ phần Thái Dương Bảo, Công ty cổ phần Mê Kông Kon Tum, Công ty TNHH 11-3 và các hộ gia đình đạt 45 triệu KW/h. Từ tháng 10/2023 Nhà máy chế biến tinh bột sắn bắt đầu hoạt động sản xuất theo kế hoạch. Tỷ lệ doanh nghiệp sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường đạt 100%; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện chiếm tỷ lệ 99%, đạt 100% kế hoạch. Công tác chỉnh trang, phát triển kết cấu hạ tầng Trung tâm hành chính huyện và Trung tâm các xã được ưu tiên đầu tư; tiếp tục đề xuất Tỉnh bổ sung hợp phần huyện Ia H'Drai gồm cửa khẩu phụ Hồ Le; quy hoạch Thị trấn huyện lỵ; Cụm du lịch Làng chài Sê San 4; Hành lang kinh tế - kỹ thuật Đô thị, Quốc lộ 14C... trong quy hoạch tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030, đảm bảo đồng bộ trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương; đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Ia H'Drai.

Thương mại - Dịch vụ: Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ ước thực hiện 300 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 33,65% so với cùng kỳ; lượng du khách đến địa bàn du lịch, tìm hiểu cơ hội kinh doanh, đầu tư tăng cao đạt 3.500 lượt người, vượt 9,38% kế hoạch và tăng 75% so với cùng kỳ, trong đó điểm du lịch làng chài Sê San và thác nước 07 tầng xã Ia Dom, Chùa Huệ Khánh... thu hút đông đảo du khách đến thăm quan, trải nghiệm. Các cơ sở thương mại, dịch vụ tăng về quy mô và số lượng, cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán, tiêu dùng của Nhân dân, công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường.

Môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã: Thường xuyên rà soát dự án thu hút đầu tư; phối hợp các sở, ngành tháo gỡ những khó khăn, bất cập về đất đai trong thu hút đầu tư nông nghiệp công nghệ

cao⁽⁵⁾ và các dự án đầu tư công; kiểm tra quy hoạch đất đai và các thủ tục pháp lý liên quan đến giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng trên địa bàn huyện. Hằng tháng duy trì Chương trình "*cà phê Doanh nhân*" nhằm gỡ gỡ, trao đổi, phản ánh, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh⁽⁶⁾; triển khai hệ thống một cửa điện tử liên thông trong cấp mã số thuế, cấp giấy đăng ký kinh doanh. Tổ chức và hoạt động hợp tác xã được củng cố, tăng nhanh quy mô đầu tư, sản xuất, chủ yếu lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt⁽⁷⁾.

Xây dựng nông thôn mới: Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai quyết liệt, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng xã, từng ngành, xây dựng lộ trình thực hiện các tiêu chí⁽⁸⁾, đã công nhận 13 thôn đạt chuẩn nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có thôn 02, xã Ia Dom đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; xã Ia Đal đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị đánh giá công nhận đạt chuẩn 06 tiêu chí còn lại. Sắp xếp, bố trí 1.350 khẩu vào các các điểm dân cư trên địa bàn huyện, trong đó điểm dân cư 64 bố trí 100 hộ/302 khẩu, đạt 100% kế hoạch.

2. Văn hóa - xã hội

Về giáo dục: Công tác giáo dục được quan tâm đúng mức, cơ sở vật chất các trường học được đầu tư khang trang, thiết bị dạy và học đảm bảo chương trình, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo; tỷ lệ học sinh các bậc học đến lớp đạt 100%, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 100%, chất lượng học tập của học sinh đảm bảo yêu cầu. Kết quả đánh giá chất lượng học sinh năm học 2022-2023: Bậc Mầm non: Kết quả huy động trẻ ra lớp đạt 65,95%; mẫu giáo đạt 100%; trẻ khuyết tật được hòa nhập đạt 100%. Số lớp DTTS thực hiện tăng cường tiếng Việt đạt 100%; số trẻ em người DTTS tăng cường tiếng Việt đạt

⁽⁵⁾ Các dự án thu hút đầu tư: Công ty TNHH MTV Bình An Viên, Công ty cổ phần cây xanh Bình Nguyên, Công ty Đắk Bla Xanh, dự án chăn nuôi heo của Công ty TNHH nông trại Duyên Thịnh Phát, phê duyệt chuyển sử dụng mục đích đất dự án Nhà máy chế biến mù cao su Công ty TNHH MTV Cao su ChuMomRay thuê.

⁽⁶⁾ Các doanh nghiệp trồng và khai thác cao su trao đổi về tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, Chi nhánh 716 báo cáo nhu cầu chủ trương đầu tư 01 Nhà máy chế biến mù cao su; giải quyết 08 lượt kiến nghị, phản ánh: Hướng dẫn HTX nông nghiệp Đồng Tiến, HTX Nông – lâm nghiệp Ia H'Drai vay vốn sản xuất HTX theo chuỗi giá trị; cho phép xây dựng nhà tạm của hộ kinh doanh tại xã Ia Đal; tổ chức 01 đoàn thực tế học hỏi mô hình sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Hà Tĩnh; tháo gỡ khó khăn trong thủ tục thu hút đầu tư vào địa bàn huyện; cử 25 thành viên HTX tham gia các lớp tập huấn tại tỉnh; lập kế hoạch tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực HTX tại huyện trong tháng 9 và quý IV/2023; vốn hỗ trợ phát triển 06 sản phẩm OCOP từ nhung Hươu của HTX nông nghiệp Đồng Tiến; vốn đầu tư hỗ trợ phát triển hạ tầng của 02 HTX (*HTX Nông – Lâm nghiệp Ia H'Drai và HTX nông nghiệp Minh Phúc*); hỗ trợ giống cỏ chăn nuôi bò sinh sản cho 01 HTX; dự kiến thành lập 01 điểm trung bày, bán sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện năm 2023...

⁽⁷⁾ HTX nông nghiệp Hai Dững có 120 con bò, 07 ha cây ăn quả và các hoạt động sản xuất khác; HTX Nông – Lâm nghiệp Ia H'Drai mở rộng quy mô chăn nuôi bò lai sinh sản giai đoạn 02, đăng ký sản xuất theo chuỗi giá trị, cung cấp con giống bò đảm bảo quy định, trồng mới 05 ha cây sầu riêng, 02 ha cây ăn trái; HTX nông nghiệp đồng tiến xây dựng nhà xưởng chế biến sản phẩm OCOP và đang hoàn thiện 06 sản phẩm OCOP từ nhung hươu, HTX nông nghiệp Minh Phúc mở rộng nhà xưởng chế biến 03 sản phẩm OCOP từ nhung hươu...

⁽⁸⁾ Huyện duy trì, nâng cao mức đạt chuẩn 04 tiêu chí đã đạt, phấn đấu đạt chuẩn thêm tiêu chí quy hoạch. Xã Ia Dom duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn các tiêu chí đã đạt, phấn đấu đạt chuẩn thêm tiêu chí quy hoạch. Xã Ia Đal duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn các tiêu chí đã đạt, phấn đấu đạt chuẩn thêm 06 tiêu chí, gồm: Quy hoạch, giao thông, trường học, thu nhập, nghèo đa chiều, môi trường. Có 11 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó Thôn Ia Đal xã Ia Đal đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Xã Ia Toi duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn các tiêu chí đã đạt, phấn đấu đạt chuẩn thêm 03 tiêu chí; cuối năm 2023 đạt chuẩn 16 tiêu chí.

100%. **Bậc Tiểu học:** Số học sinh khen thưởng đạt 42,89%; Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 96,4%; Số học sinh chưa hoàn thành chiếm tỷ lệ 3,5%. **Bậc Trung học cơ sở:** Kết quả về hạnh kiểm: Từ trung bình trở lên đạt 99,02% (tăng 0,4% so với năm học trước); dưới trung bình chiếm tỉ lệ 0,8% (giảm 0,4% so với năm học trước). Kết quả về học lực: Từ trung bình trở lên đạt 97,03% (tăng 3,46% so với năm học trước); dưới trung bình chiếm tỉ lệ 2,97% (giảm 3,46% so với năm học trước). Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ, chương trình giáo dục theo quy định, công tác xóa mù chữ đạt kết quả tích cực; tiến độ xây dựng đạt trường chuẩn quốc gia đảm bảo kế hoạch; số lượng học sinh các bậc học đầu năm học 2023-2024 là 3.667 học sinh, đạt 102,57% kế hoạch.

Về y tế: Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân đảm bảo; y tế dự phòng được tăng cường, cơ bản không phát sinh các bệnh truyền nhiễm như sốt rét, sốt xuất huyết Dengue... tuy nhiên trong tháng 9 xuất hiện 02 ca bệnh tay chân miệng (xã Ia Toi, xã Ia Đal), đơn vị y tế đã kịp thời xử lý và tăng cường tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh tay chân miệng và bệnh bệnh đau mắt đỏ trong các trường học. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ đạt 54,55%.

Về văn hóa – thể thao: Hoạt động sự nghiệp văn hóa - thể thao được đẩy mạnh, nhiều sự kiện, hoạt động phong trào thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia, tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt trên 84%, có 17/21 thôn có bộ công chiêng, 100% thôn có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng, các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở được quan tâm đầu tư, bước đầu đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa, thể thao của người dân. Công tác thông tin tuyên truyền được duy trì có hiệu quả, tập trung vào các chủ đề trọng tâm, trọng điểm chào mừng các sự kiện, các ngày lễ lớn của đất nước... truyền thanh ổn định, đảm bảo chất lượng, duy trì các cụm loa phát sóng tại các khu vực dân cư, điểm dân cư, Trang thông tin điện tử huyện thường xuyên cập nhật tin bài, các văn bản của Đảng, Nhà nước và tình hình kinh tế - xã hội địa phương.

Kịp thời chi trả trợ cấp cho đối tượng chính sách, người có công theo quy định. Công tác chăm lo Tết cho người nghèo, các đối tượng chính sách, người có công được các cấp, các ngành quan tâm, hoạt động đền ơn đáp nghĩa được duy trì thường xuyên; công tác đào tạo nghề lao động nông thôn được chú trọng, đến 10 tháng năm 2023 đã giải quyết việc làm cho 1.296 lao động. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội 43,7%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm thất nghiệp 36,64%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 100%.

3. Về quốc phòng, an ninh

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, ổn định. Các cơ quan chức năng đã xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm pháp luật theo trình tự pháp luật. Kế hoạch công tác quốc phòng, quân sự năm 2023 được triển khai đảm bảo; các cơ quan, ban ngành của huyện, xã thực hiện tốt các nội dung yêu cầu Ban chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện và xã Ia Toi, đạt kết quả loại “Giỏi”.

III. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội.

Ủy ban nhân dân huyện đã cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề cụ thể hóa thành quyết định, chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân huyện, chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 của huyện bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu do Tỉnh giao, giao nhiệm vụ các ngành phụ trách, tham mưu và thực hiện các chỉ tiêu cụ thể, kết quả 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023: Tình hình kinh tế - xã hội ổn định, đạt kết quả tích cực; giá trị sản xuất nông nghiệp và thương mại dịch vụ tăng cao; thu ngân sách nhà nước tại địa bàn đảm bảo kế hoạch; vay tín dụng đạt mức cao; hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch gieo trồng năm 2023; công tác quản lý bảo vệ rừng được triển khai quyết liệt, có hiệu quả; tiến độ xây dựng nông thôn được triển khai đồng bộ, đảm bảo; sắp xếp, bố trí dân cư vào địa bàn đạt mức cao; các nhà máy sản xuất công nghiệp duy trì ổn định; chất lượng công tác giáo dục được tăng cường; công tác an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, hiệu quả; tổ chức bộ máy được kiện toàn; công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện được tăng cường... Quốc phòng, an ninh ổn định, trật tự an toàn xã hội đảm bảo.

Bên cạnh đó, còn tồn tại một số hạn chế như công tác thông tin, báo cáo, phối hợp thực hiện nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã có lúc chưa kịp thời, chặt chẽ, chất lượng không cao; việc tham mưu triển khai, thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị có việc chậm hoàn thành.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thiếu về số lượng, chất lượng chưa đồng đều, kinh nghiệm giải quyết công việc và quản lý, điều hành có lúc còn hạn chế. Tính năng động, sáng tạo của một bộ phận lãnh đạo chưa cao; công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị chưa chặt chẽ.

IV. Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội, Quốc phòng An ninh năm 2024.

1. Về kinh tế

Tổng giá trị sản xuất ước thực hiện đạt 9.400 tỷ đồng. Trong đó: Ngành nông, lâm, thủy sản đạt 2.260 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 24,04%; ngành công nghiệp, xây dựng đạt 6.825 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 72,61%; ngành thương mại, dịch vụ đạt 315 tỷ đồng, chiếm 3,35%.

Thu nhập bình quân đầu người 50 triệu đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 80 tỷ đồng.

Tổng diện tích gieo trồng 29.079,5 ha.

Tổng đàn gia súc 33.770 con; đàn gia cầm 50.000 con.

Diện tích ao hồ nhỏ 31 ha; số lồng nuôi thủy sản 135 lồng; mô hình nuôi bả cá trên cạn 48 bể.

Trồng mới 400 ha rừng tập trung và 40.000 cây phân tán. Độ che phủ rừng đạt 87,1% (bao gồm diện tích cây cao su).

Thành lập mới 01 hợp tác xã.

Xã Ia Toi đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

2. Về văn hóa - xã hội và môi trường

Dân số trung bình năm đạt khoảng 17.000 người.

Số người được giải quyết việc làm (tăng thêm) 1.450 người.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn đạt 87%.

Năm học 2024-2025 tổng số học sinh toàn huyện đạt 4.025 học sinh.

Tỷ lệ trẻ em, học sinh đúng độ tuổi các bậc học đạt 100%.

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%.

Số giường bệnh/1000 dân (không tính giường thuộc Trạm Y tế xã) là 35,3 giường.

Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa 100%.

Phần đầu đến cuối năm giảm từ 3-4% hộ nghèo.

Tỷ lệ xã mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt 100%.

Tỷ lệ xã, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 100%.

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Điều hành thu, chi ngân sách hợp lý, tiết kiệm hiệu quả. Khai thác nguồn thu từ tiền thu sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất ở, đất kinh doanh để phát triển kết cấu hạ tầng dự án Khu trung tâm hành chính huyện, điểm dân cư xã Ia Toi, Ia Dom dọc Quốc lộ 14C. Rà soát, bổ sung các nguồn thu mới tập trung vào ngân sách. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư phát triển, Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư và các nguồn vốn khác.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư theo đúng chủ trương, định hướng của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư các dự án nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện; tập trung phát triển mạnh các loại cây ăn quả có giá trị, mở rộng chăn nuôi gia súc, gia cầm gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời tham mưu tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Quản lý thực hiện tốt quy hoạch phát triển nông, lâm, thủy sản gắn với kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh, chất lượng cây giống, con giống để nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Xúc tiến hình thành thêm các

chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản trên địa bàn.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, dự án giai đoạn 2021-2025 và triển khai mới năm 2024, nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu hút mạnh mẽ dân cư vào địa bàn lập nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường chỉnh trang đô thị và vệ sinh môi trường nông thôn; triển khai có hiệu quả kế hoạch phát triển Du lịch tại Khu trung tâm huyện và các khu vực, vị trí định hướng phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

Triển khai thực hiện các Chương trình của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết, Chương trình của Tỉnh ủy; Triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên đầu tư xã Ia Đal hoàn thành đạt chuẩn xã nông thôn mới cuối năm 2023; tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí tại các thôn, xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

Tiếp tục tháo gỡ khó khăn về quỹ đất phát triển nông nghiệp; tiếp tục rà soát, đề nghị thu hồi diện tích đất của các doanh nghiệp trồng cao su thuê nhưng chưa trồng cao su để phát triển sản xuất nông nghiệp; tiếp tục đề xuất các ngành chức năng đánh giá hiện trạng rừng theo thực tế để chuyển đổi các diện tích không còn rừng, không có khả năng phục hồi rừng để chuyển mục đích đầu tư phát triển nông nghiệp bền vững, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư lĩnh vực nông nghiệp.

Có chính sách phù hợp hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn để hoạt động có hiệu quả. Trong đó, vận động hợp tác xã, tổ hợp tác thực hiện các mô hình trồng trọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất để tăng sản lượng, năng suất và giá trị sản phẩm làm ra. Tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP đã đăng ký sản phẩm, rà soát, phát triển mới các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện; áp dụng mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác, vận chuyển lâm sản, phá rừng làm nương rẫy trái pháp luật. Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ chỉ tiêu trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán theo kế hoạch.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng; đẩy mạnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đã đủ điều kiện; làm tốt công tác vệ sinh môi trường nông thôn. Tiếp tục khuyến khích phát triển dịch vụ thương mại nông thôn, hình thành thêm một số điểm mua bán, trao đổi hàng hóa quy mô vừa và nhỏ, gắn với quản lý chặt chẽ thị trường; thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn hàng giả, hàng lậu và hàng kém chất lượng vào địa bàn.

Tăng cường thanh tra trách nhiệm về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội của các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó tập trung thanh tra các lĩnh vực: Công tác quản lý, sử dụng đất đai; công tác quản lý quy hoạch; quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản; quản lý đầu tư xây dựng; quản lý tài chính, ngân sách, đầu tư mua sắm tài sản. Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi phát sinh, nhất là những vụ khiếu kiện đông người liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường... Tăng cường đối thoại trực tiếp để giải quyết có hiệu quả những bức xúc của Nhân dân phù hợp với quy định của pháp luật, không để xảy ra điểm nóng tranh chấp, khiếu kiện.

PHẦN II**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC**
I. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (*bổ sung*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị Quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 (*bổ sung*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

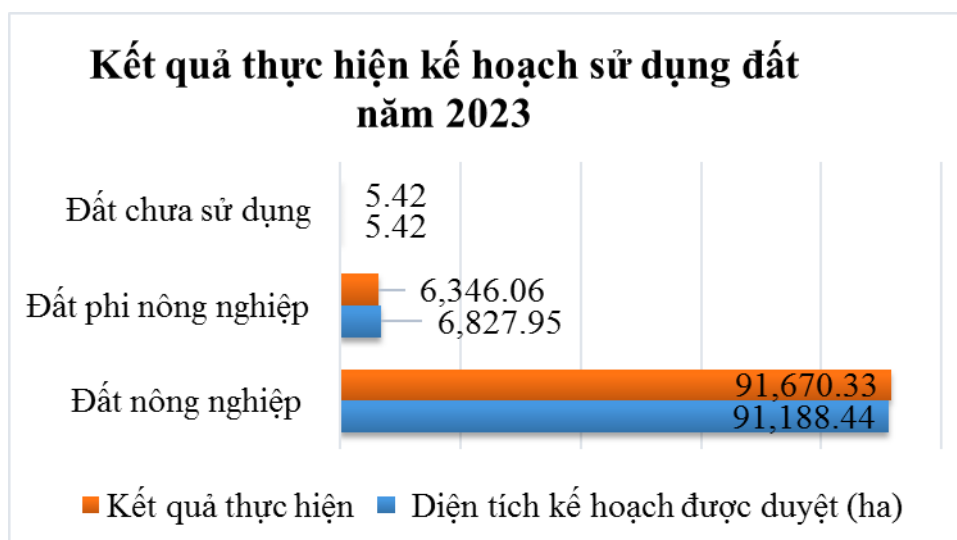
Kết quả thực hiện trên địa bàn huyện Ia H'Drai ước đạt đến ngày 31/10/2023 được thể hiện như sau:

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến ngày 31/10/2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	91.188,44	91.670,33	481,89	100,53%
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	139,96	139,96	0,00	100,00%
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>45,39</i>	<i>45,39</i>	<i>0,00</i>	<i>100,00%</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.700,02	2.729,26	29,24	101,08%
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.640,39	8.723,71	83,32	100,96%
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			0,00	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			0,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	79.669,50	80.042,10	372,60	100,47%
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>55.457,94</i>	<i>55.636,47</i>	<i>178,53</i>	<i>100,32%</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,99	14,99	0,00	100,00%
1.8	Đất làm muối	LMU				

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	23,58	20,31	-3,27	86,13%
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.827,95	6.346,06	-481,89	92,94%
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	408,54	126,09	-282,45	30,86%
2.2	Đất an ninh	CAN	6,27	5,62	-0,65	89,63%
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,71	19,40	-0,31	98,43%
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	93,28	90,57	-2,71	97,09%
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	11,00	8,08	-2,92	73,45%
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.139,27	5.001,80	-137,47	97,33%
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	905,69	849,53	-56,16	93,80%
-	Đất thủy lợi	DTL	272,06	243,04	-29,02	89,33%
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,08	1,28	-3,80	25,20%
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,61	9,12	-4,49	67,01%
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	24,92	21,34	-3,58	85,63%
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,46	2,23	-6,23	26,36%
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3.867,76	3.853,76	-14,00	99,64%
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,39	0,31	-0,08	79,49%
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,00		-5,00	0,00%
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,70	0,70	0,00	100,00%
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	28,49	18,49	-10,00	64,90%
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,30	0,30	0,00	
-	Đất chợ	DCH	2,70	1,70	-1,00	62,96%
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,32	1,11	-1,21	47,84%
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,08			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	639,54	601,65	-37,89	94,08%
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,82	20,82	0,00	100,00%
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,51	2,27	-0,24	90,44%
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	429,68	427,75	-1,93	99,55%
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	29,78	29,78	0,00	100,00%
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	17,26	11,12	-6,14	64,43%
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,42	5,42	0,00	100,00%



Hình 1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

1. Đất nông nghiệp (NNP).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 91.188,44 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 91.670,33 ha, tăng 481,89 ha so với kế hoạch.

Nguyên nhân: việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng các loại đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đường giao thông, thủy lợi, y tế, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, đất bãi thải, xử lý chất thải, đất sinh hoạt cộng đồng, đất ở tại nông thôn,... chưa được thực hiện do thiếu nguồn vốn. Bên cạnh đó, diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu là cây cao su thuộc chỉ tiêu đất rừng sản xuất là rừng trồng, do đó các thủ tục thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng phải thực hiện theo Quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cụ thể:

1.1. Đất chuyên trồng lúa (LUA).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 139,96 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 139,96 ha. Không chênh lệch so với kế hoạch được duyệt.

Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 45,39 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 45,39 ha. Không chênh lệch so với kế hoạch được duyệt.

1.2. Đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 2.700,02 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 2.729,26 ha. Tăng 29,24 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án đầu tư còn gặp khó khăn trong việc triển khai các thủ tục thực hiện dự án cũng như giải ngân nguồn vốn nên chưa thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm khác sang các loại đất khác để thực hiện các dự án đã đăng ký trong kế hoạch năm 2023 như: TTHL; Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal; Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện; Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ); Nghĩa trang nhân dân huyện; Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện; Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện; Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện; Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai; Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai; Chợ trung tâm xã Ia Đal;...

1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 8.640,39 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 8.723,71 ha; Tăng 83,32 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: do một số dự án còn đang trong giai đoạn lập kế hoạch thu hồi đất, giải phóng mặt bằng nên việc chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang các loại đất khác chưa được thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Một số công trình sử dụng đất trồng cây lâu năm nhưng chưa được thực hiện như: TTHL; Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom; Trụ sở làm việc Công an xã Ia Toi; Cầu suối đá huyện; Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi; Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07 (đường DH10C); Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện; Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ); Nghĩa trang nhân dân huyện; Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện; Điểm dân cư số 48 mở rộng; Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Dự án nuôi trồng thủy sản của công ty Duy Tân (dự án thử nghiệm nuôi cá lồng);...

1.4. Đất rừng sản xuất (RSX).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 79.669,5 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 80.042,1 ha; Tăng 372,6 ha so với kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Nguyên nhân: do các công trình dự án đã được phê duyệt tại quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai đang trong quá trình thực hiện các thủ tục thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng theo Quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định. Do đó, kết quả thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

Trong năm Kế hoạch sử dụng đất 2023 chuyển mục đích 9,64 ha sang đất phi nông nghiệp. Cụ thể, chuyển 4,29 ha đất rừng sản xuất là rừng trồng sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Nhà Máy chế biến mủ cao su Chư Mom Ray theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất; Chuyển 5,35 ha đất lâm nghiệp không có rừng sang đất ở nông thôn để thực hiện Dự án Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên quốc lộ 14 C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14 C-Sê San 3) theo QĐ 427/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh.

1.5. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 14,99 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 14,99 ha; Không biến động so với kế hoạch được duyệt.

1.6. Đất nông nghiệp khác (NKH).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 23,58 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 20,31 ha; Giảm 3,27 ha so với kế hoạch được duyệt. Đạt 86,13% so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do dự án nuôi trồng thủy sản của công ty Duy Tân (*dự án thử nghiệm nuôi cá lồng*) chưa được hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đất đai như chuyển mục đích sử dụng và cho thuê đất.

Trong năm 2023 đã hoàn thành các thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm nghiệp vào mục đích khác và cho thuê đất đối với Công ty TNHH Đăk Bla Xanh để thực hiện dự án Trồng cây lâu năm kết hợp với dịch vụ nông nghiệp theo quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 31/8/2023; Hoàn thành các thủ tục cho thuê đất đối với Công ty TNHH nông trại Duyên Thịnh Phát để thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát tại xã Ia Đal.

2. Đất phi nông nghiệp (PNN).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 6.827,95 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 6.346,06 ha; giảm 481,89 ha so với kế hoạch, đạt 92,94 % kế hoạch đề ra. Cụ thể:

2.1. Đất quốc phòng (CQP).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 408,54 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 126,09 ha; giảm 282,45 so với kế hoạch được duyệt. Đạt 30,86 % kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do các dự án DTBCH; CDQ1; CDQ2; DHSCHCB, TTHL theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đất đai, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3, Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định.

2.2. Đất an ninh (CAN).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là 6,27 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là 5,62 ha; giảm 0,65 ha so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do việc xây dựng trụ sở làm việc Công an các xã chưa hoàn thiện các thủ tục liên quan đến chuyển mục đích sử dụng và giao đất nên chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

2.3. Đất thương mại, dịch vụ (TMD).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 19,71 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 19,4 ha; giảm 0,31 ha so với kế hoạch được duyệt. Đạt 98,43 % kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai chưa hoàn thành các thủ tục thu hồi, giải phóng mặt bằng và giao đất.

2.4. Đất cơ sở sản kinh doanh (SKC).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 93,28 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 90,57 ha; Giảm 2,71 ha so với kế hoạch. Đạt 97,09 % kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì chỉ tiêu đăng ký thực hiện dự án Nhà máy chế biến mủ cao su ChưMomRay của Công ty TNHH MTV Cao su ChưMomRay là 7 ha. Tuy nhiên, theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất thì Công ty TNHH MTV Chư Mom Ray mới thực hiện chuyển 4,29 ha đất rừng sản xuất là rừng trồng sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Nhà Máy chế biến mủ cao su Chư Mom Ray, phần diện tích còn lại sẽ được chuyển tiếp qua kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để tạo điều kiện cho đơn vị đầu tư hoàn thiện các thủ tục đất đai.

2.5. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm sứ (SKX).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 11,0 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 8,08 ha; Giảm 2,92 ha. Đạt 73,45 % kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân: Do việc đấu giá và khai thác đất làm vật liệu xây dựng thông thường (Đất san lấp) xã Ia Toi chưa được triển khai thực hiện.

2.6. Đất phát triển hạ tầng (DHT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 5.139,27 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 5.001,8 ha; Giảm 137,47 ha so với kế hoạch, đạt 97,33 % so với kế hoạch;

Nguyên nhân: do khó khăn về nguồn vốn nên hầu hết các dự án đã được phê duyệt thực hiện trong năm 2023 chưa được triển khai thực hiện, một số dự án còn đang trong giai đoạn lập kế hoạch thu hồi đất, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Kết quả thực hiện các loại đất cụ thể như sau:

2.6.1. Đất Giao thông (DGT):

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 905,69 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 849,53 ha; Giảm 56,16 ha so với kế hoạch, đạt 93,8 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do các dự án đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa hoàn thành các thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, hiện đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định.

2.6.2. Đất Thủy lợi (DTL).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 272,06 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 243,04 ha; Giảm 29,02 ha so với kế hoạch, đạt 89,33 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do các công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (*thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai*); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện; Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3; Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7; Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi; Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi đang triển khai các thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo kế hoạch được duyệt.

2.6.3. Đất xây dựng cơ sở Văn hóa (DVH).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 5,08 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 1,28 ha; Giảm 3,8 ha so với kế hoạch, đạt 25,2% so với kế hoạch.

Nguyên nhân do khó khăn về nguồn vốn nên công trình nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai chưa hoàn thiện công tác thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất.

2.6.4. Đất xây dựng cơ sở Y tế (DYT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 13,61 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 9,12 ha; Giảm 4,49 ha so với kế hoạch, đạt 67,01 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do dự án Bệnh viện đa khoa huyện chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

2.6.5. Đất xây dựng cơ sở Giáo dục và Đào tạo (DGD).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 24,92 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 21,34 ha; Giảm 3,58 ha so với kế hoạch, đạt 85,63 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do các dự án Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4, xã Ia Dom; Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện; Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện; Hạng mục đất giáo dục thuộc dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia

H'Drai chưa được triển khai thực hiện. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện đang chỉ đạo cơ quan chuyên môn, phối hợp với các Trường trên địa bàn huyện thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả các trường học trên địa bàn huyện.

2.6.6. Đất xây dựng cơ sở Thể dục Thể thao (DTT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 8,46 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 2,23 ha; Giảm 6,23 ha so với kế hoạch, đạt 26,36% so với kế hoạch.

Nguyên nhân do dự án Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện và hạng mục đất thể thao thuộc dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai chưa được triển khai thực hiện.

2.6.7. Đất công trình năng lượng (DNL).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 3.867,76 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 3.853,76 ha; Giảm 14,0 ha so với kế hoạch, đạt 99,64% so với kế hoạch.

Nguyên nhân do công trình Dự án Xây dựng lưới điện (*thôn Chư Hem, xã Ia Dal*) thuộc Tiểu dự án 2- Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (*giai đoạn 2014-2020*) và hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi chưa hoàn thành các thủ tục thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đề ra.

2.6.8. Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 0,39 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0,31 ha; Giảm 0,08 ha so với kế hoạch, đạt 79,49% so với kế hoạch.

Nguyên nhân do 02 trạm BTS KTM2018_06 và BTS KTM2018_07 chưa được triển khai thực hiện.

2.6.9. Đất Bãi thải, Xử lý chất thải (DRA).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 5 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0 ha; Giảm 5,0 ha so với kế hoạch.

Nguyên nhân do công trình Bãi rác tập trung chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

2.6.10. Đất cơ sở Tôn giáo (TON).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 0,7 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0,7 ha; sử dụng ổn định theo hiện trạng.

2.6.11. Đất làm Nghĩa trang, Nhà tang lễ, Nhà hỏa táng (NTD):

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 28,49 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 18,49 ha; Giảm 10 ha so với kế hoạch, đạt 64,9% so với kế hoạch.

Nguyên nhân do dự án Nghĩa trang nhân dân huyện đang thực hiện thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất nên chưa được triển khai xây dựng theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai.

2.6.12. Đất xây dựng Cơ sở Dịch vụ Xã hội (DXH).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 0,3 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0,3 ha; Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

2.6.13. Đất chợ (DCH): Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 2,7 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 1,7 ha; Giảm 1 ha so với kế hoạch, đạt 62,96 % so với kế hoạch.

2.7. Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 2,32 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 1,11 ha; Giảm 1,21 ha so với kế hoạch, bằng 47,84% kế hoạch.

Nguyên nhân: Do các dự án Nhà văn hóa thôn Ia Muung và hạng mục đất sinh hoạt cộng đồng thuộc các dự án Điểm dân cư số 48 mở rộng, Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai chưa được triển khai thực hiện.

2.7. Đất khu vui chơi giải trí công cộng (DKV).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 12,08 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0 ha; Giảm 12,08 ha so với kế hoạch.

Nguyên nhân: Do hạng mục đất khu vui chơi giải trí công cộng thuộc các dự án Điểm dân cư số 48 mở rộng, Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai chưa được triển khai thực hiện.

2.7. Đất ở tại nông thôn (ONT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 639,54 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 601,65 ha; Giảm 37,89 ha so với kế hoạch, bằng 94,08% kế hoạch.

Nguyên nhân: do các dự án có kế hoạch thực hiện trong năm 2023 như điểm dân cư số 48 mở rộng, Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai; Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai; Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành

chính huyện Ia H'Drai; Đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 47, thôn 2, xã Ia Dom; Mở rộng điểm dân cư số 47 tại thôn Ia Dom chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt; Đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định.

Trong năm 2023 đã thực hiện chuyển 5,35 ha đất lâm nghiệp không có rừng sang đất ở nông thôn để thực hiện Dự án Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên quốc lộ 14 C (*đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14 C-Sê San 3*) theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

2.8. Đất trụ sở cơ quan (TSC).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 20,82 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 20,82 ha; Không chênh lệch so với kế hoạch được duyệt.

2.9. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 2,51 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 2,27 ha; Giảm 0,24 ha so với kế hoạch. Nguyên nhân do dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025 chưa được triển khai thực hiện.

2.10. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 429,68 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 427,75 ha. Giảm 1,93 ha so với chỉ tiêu được duyệt.

2.11. Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 29,78 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 29,78 ha. Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

3. Đất chưa sử dụng (CSD).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 là: 5,42 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 5,42 ha. Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

Bảng 2. Danh mục dự án đã thực hiện trong năm 2023

STT	Dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát	17,90	Xã Ia Đal
2	Dự án Trồng cây lâu năm kết hợp với dịch vụ nông nghiệp	0,52	Xã Ia Đal
3	Dự án Nhà Máy chế biến mủ cao su Chư Mom Ray của	4,29	Xã Ia Toi

	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Mom Ray		
4	Dự án Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên quốc lộ 14 C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14 C-Sê San 3)	5,35	Xã Ia Toi

II. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã cụ thể hóa các công trình, dự án thu hồi đất được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum thông qua, đồng thời cụ thể hóa các chỉ tiêu lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; góp phần làm cho công tác quản lý nhà nước về đất đai đi vào nề nếp, ổn định; nâng cao hiệu quả sử dụng đất của huyện Ia H'Drai nói riêng và của tỉnh nói chung. Tuy nhiên, qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho thấy vẫn còn nhiều tồn tại như sau:

Căn cứ tiến độ triển khai các công trình, dự án trong năm 2023 cho thấy tỷ lệ số công trình dự án đã hoàn thành các thủ tục liên quan về đất đai rất thấp so với tổng số lượng danh mục công trình đã đăng ký.

Quá trình hoàn thiện các thủ tục thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, theo quy định phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh đối với rừng trồng và Thủ tướng Chính phủ đối với rừng tự nhiên nên thời gian kéo dài.

Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng do cấp huyện làm chủ đầu tư: Do nguồn ngân sách hạn chế, khả năng huy động vốn chưa đáp ứng được yêu cầu, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng do đó còn nhiều dự án, công trình chưa đáp ứng được về tiến độ.

III. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

1. Nguyên nhân khách quan.

Chính sách thắt chặt đầu tư công của nhà nước trong giai đoạn vừa qua do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế đã dẫn đến một số dự án, đặc biệt là các dự án lớn, dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, công cộng phải giãn tiến độ đầu tư hoặc chậm triển khai thực hiện.

Do quy định về trình tự, thủ tục thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất của Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp 2017 có nhiều thay đổi, chưa phù hợp với tình hình thực tế dẫn đến nhiều công trình, dự án đã thực hiện xong nhưng vẫn chưa hoàn thành các thủ tục, hồ sơ đất đai.

Đội ngũ cán bộ, người lao động (*lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng*) tại đơn vị còn thiếu kinh nghiệm chuyên môn, chưa thật sự chủ động, sâu sát trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao. Chưa sắp xếp thời gian một cách khoa học để nghiên cứu các Văn bản hướng dẫn về chuyên môn (*một số Văn bản hướng dẫn chuyên môn thay đổi liên tục nên việc nghiên cứu áp dụng chưa kịp thời*). Nên trong quá trình thực hiện, tham mưu còn chậm tiến độ.

Các văn bản quy định về chính sách bồi thường hỗ trợ chưa được cụ thể, công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được thường xuyên, nhân sự tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường còn mỏng, chưa đáp ứng được với nhu cầu công việc được giao, do vậy gây chậm trễ đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Nguyên nhân chủ quan.

Đối với các dự án thuộc các nhóm đất hạ tầng có kết quả thực hiện còn thấp nguyên nhân chính là các dự án chưa được kịp thời bố trí vốn (mặc dù các dự án đã được ghi vốn hoặc có trong danh mục đầu tư công trung hạn).

Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật đất đai, nhất là về quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế; do vậy công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thường xuyên.

Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt các cấp, các ngành chưa thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất không theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

Nhu cầu quỹ đất để phát triển các ngành, lĩnh vực, các dự án đầu tư chưa được tính toán sát với chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội dẫn đến việc đăng ký danh mục các dự án, công trình nhiều hơn so với khả năng tổ chức thực hiện, đặc biệt là các dự án có diện tích lớn và nguồn vốn từ các doanh nghiệp.

Một số dự án, công trình có trong kế hoạch nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai thực hiện đã phải dừng lại hoặc giãn tiến độ đầu tư, nhất là các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Thời gian các tổ chức kinh tế lập dự án đầu tư và lập hồ sơ đất đai thực hiện chậm. Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, vì vậy trong năm đó không thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phải chuyển sang năm sau.

Công tác giải phóng mặt bằng còn gặp khó khăn nguyên nhân trên địa bàn huyện hầu hết các Dự án thuộc Quy định tại Khoản 3, Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (cây cao su) theo quy định.

Nguồn vốn để mở rộng, xây mới các công trình phúc lợi xã hội chưa được phân bổ theo kế hoạch xây dựng nông thôn mới nên việc bố trí quỹ đất xây dựng gặp nhiều khó khăn, nhiều dự án không thực hiện được.

Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng trái phép ở một số nơi vẫn còn, việc sử dụng đất không hiệu quả chưa được xử lý kịp thời theo quy định.

Thủ tục thu hồi, giải phóng mặt bằng nhiều, liên quan đến nhiều cấp thẩm định, phê duyệt. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện còn gặp khó khăn nguyên nhân trên địa bàn huyện hầu hết các Dự án, công trình thuộc Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì các dự án, công trình thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định nên thủ tục kéo dài (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng*).

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Theo Dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Kon Tum đặt mục tiêu tổng quát của thời kỳ quy hoạch là giữ vững và đảm bảo tăng trưởng hợp lý, kinh tế phát triển bền vững. Tiếp tục xác định và tập trung nguồn lực để thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm là phát triển nông nghiệp, tập trung thực hiện các đột phá về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng nông thôn mới; công tác quản lý bảo vệ rừng; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đảm bảo công tác quy hoạch, quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia.

Với quan điểm quy hoạch phát triển huyện Ia H'Drai phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực. Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, tăng cường hợp tác với các địa phương trong Tỉnh nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội. Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là vùng sâu, vùng xa và các vị trí chiến lược trên địa bàn huyện. Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên và môi trường.

Tầm nhìn đến năm 2050, Huyện tiếp tục phát triển mạnh mẽ nông nghiệp theo hướng chiều sâu, sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng phù hợp với xu thế của Tỉnh, ưu tiên phát triển các ngành: công nghiệp năng lượng tái tạo; chế biến nông sản thực phẩm và chế biến lâm sản từ gỗ rừng trồng và gỗ tận thu. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, đồng bộ các giải pháp thu hút, bố trí, sắp xếp dân cư vào địa bàn, hình thành các điểm, cụm dân cư kiểu mẫu về quản lý, kết cấu hạ tầng, văn hóa, gắn kết cộng đồng với môi trường, cảnh quan. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, y tế và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, thực hiện tốt các chính sách và đảm bảo an sinh xã hội, tạo dựng cho người dân có cuộc sống tốt, mức sống cao. An ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế- xã hội.

Để góp phần vào mục tiêu phát triển chung của tỉnh Kon Tum, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được xây dựng theo quan điểm đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch. Do đó, sử dụng đất đúng mục đích, theo quy hoạch, kế hoạch là trách nhiệm của

người sử dụng đất. Các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện phải đảm bảo hài hòa lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh, không hủy hoại, cản trở việc sử dụng đất của người khác. Người sử dụng đất trên địa bàn huyện phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ có liên quan của mình trong thời hạn, thời gian sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Việc tính toán, cân đối, phân bổ nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phải đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, nhằm khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nội dung Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 40, Luật Đất đai năm 2013 (*đã được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch*) nhằm đảm bảo là căn cứ xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2024 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại Điều 46, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo Khoản 1, Điều 6, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (*đã sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013*) thì khi kết thúc thời kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất thời kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển Kinh tế - Xã hội; Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai; Căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện Ia H'Drai năm 2024 và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai; Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhằm cụ thể hóa và thống nhất các quan điểm sử dụng đất đã đề ra.

I. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024.

Căn cứ quy định tại Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 được sửa đổi bởi Khoản 9, Điều 1, Nghị định

148/2020/NĐ-CP ngày ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai, quy định: “*Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp.*”

Tại thời điểm lập kế hoạch, Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh chưa được phê duyệt, đối với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01/3/2022. Do đó, việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã chưa được xác định cụ thể.

II. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.

1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai có 71 công trình do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội trên địa bàn huyện được chuyển sang kế hoạch năm 2024 để tiếp tục thực hiện. Bao gồm:

Bảng 3. Dự án chưa thực hiện trong năm 2023 chuyển sang thực hiện trong năm 2024

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đường giao thông từ cầu Draih đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41- Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal
2	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	2,13	Xã Ia Đal
3	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	0,40	Xã Ia Đal
4	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	0,26	Xã Ia Đal
5	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hém (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	0,88	Xã Ia Đal
6	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1,79	Xã Ia Đal
7	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	0,94	Xã Ia Đal
8	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	32,04	Xã Ia Đal
9	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	0,05	Xã Ia Đal

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
10	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	0,05	Xã Ia Đal
11	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	0,01	Xã Ia Đal
12	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	0,01	Xã Ia Đal
13	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	0,01	Xã Ia Đal
14	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	0,01	Xã Ia Đal
15	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1,00	Xã Ia Đal
16	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	28,11	Xã Ia Toi
17	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi (giai đoạn 2)	0,77	Xã Ia Toi
18	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
19	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
20	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
21	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
22	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
23	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
24	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
25	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
26	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
27	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
28	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	1,10	Xã Ia Toi
29	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
30	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi
31	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	0,30	Xã Ia Toi
32	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
33	Cầu suối đá huyện	2,67	Xã Ia Toi
34	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Toi	2,13	Xã Ia Toi
35	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	1,79	Xã Ia Toi
36	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dor xã Ia Toi	1,00	Xã Ia Toi
37	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	4,91	Xã Ia Toi
38	Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	15,32	Xã Ia Toi
39	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
40	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
41	Nghĩa trang nhân dân huyện	10,00	Xã Ia Toi

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
42	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	3,80	Xã Ia Toi
43	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	5,50	Xã Ia Toi
44	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	1,30	Xã Ia Toi
45	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	1,36	Xã Ia Toi
46	Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	5,00	Xã Ia Toi
47	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025	0,24	Xã Ia Toi
48	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,61	Xã Ia Toi
49	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1,39	Xã Ia Toi
50	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4,63	Xã Ia Toi
51	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2,42	Xã Ia Toi
52	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,17	Xã Ia Toi
53	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,60	Xã Ia Toi
54	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16,00	Xã Ia Toi
55	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
56	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi
57	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	0,25	Xã Ia Dom
58	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	1,65	Xã Ia Dom

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
59	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	0,45	Xã Ia Dom
60	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	0,09	Xã Ia Dom
61	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	0,39	Xã Ia Dom
62	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	0,45	Xã Ia Dom
63	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	0,16	Xã Ia Dom
64	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,52	Xã Ia Dom
65	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13,00	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
66	Dự án Xây dựng lưới điện (thôn Chư Hem, xã Ia Đal) thuộc Tiểu dự án 2- Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2014-2020)	5,15	Xã Ia Đal
67	Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	9,90	Xã Ia Toi
68	Xây dựng lắp lưới điện (thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai)	0,11	Xã Ia Toi
69	Xây lắp lưới điện trung tâm huyện Ia H'Drai	0,07	Xã Ia Toi
70	Trạm BTS KTM2018_06	0,04	Xã Ia Dom
71	Trạm BTS KTM2018_07	0,04	Xã Ia Đal

2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân.

2.1. Các công trình dự án đăng ký mới trong năm 2024.

Nhằm đảm bảo là căn cứ xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Để đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng cũng như nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện, trong kế hoạch năm 2024 sẽ thực hiện các công trình sau:

Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng: Trong năm 2024, nhu cầu đất quốc phòng là 286,83 ha.

Bảng 4. Nhu cầu đất quốc phòng năm 2024

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	DTBCH	5,03	Xã Ia Toi
2	CDQ1	3,00	Xã Ia Đal
3	CDQ2	2,20	Xã Ia Toi
4	CDQ3	4,13	Xã Ia Dom
5	DHSCHCB	6,00	Xã Ia Toi

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
6	TĐ SMPK12,7mm	0,25	Xã Ia Toi
7	TTHL	266,22	Xã Ia Toi

Nhu cầu sử dụng đất an ninh: Trong năm 2024, nhu cầu đất an ninh là 0,65 ha để thực hiện xây dựng trụ sở làm việc Công an các xã.

Nhu cầu thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

Bảng 5. Nhu cầu đăng ký mới năm 2024

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	1,10	Xã Ia Đal
2	Đường GTNT thôn Chư Hém (đường vào Dốc đỏ)	0,74	Xã Ia Đal
3	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	0,20	Xã Ia Đal
4	Đường GTNT thôn Ia Der giai đoạn 1 (Đường vào đội 12)	2,37	Xã Ia Đal
5	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Draih đường Tuần ra biên giới tại khu vực Hồ Le	11,41	Xã Ia Đal
6	Xây dựng nhà văn hóa, công trình phụ trợ khác, sân thể thao thôn 4	0,14	Xã Ia Đal
7	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7	0,49	Xã Ia Toi
8	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7	1,20	Xã Ia Toi
9	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Toi (đoạn đầu nối TL 675A đi sản xuất)	1,20	Xã Ia Toi
10	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia HDai	0,33	Xã Ia Toi
11	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung	0,48	Xã Ia Dom
12	Xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn 1	0,20	Xã Ia Dom
13	Xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn 2	0,25	Xã Ia Dom

2.2. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất

Bảng 6. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất năm 2024

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
I	Công trình chuyển tiếp		
1	Trạm bảo vệ rừng số 5 (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai)	0,07	Xã Ia Toi
2	Trạm bảo vệ rừng số 6 (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai)	0,13	Xã Ia Toi
3	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường (Đất san lấp)	2,92	Xã Ia Toi

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
4	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 168)	23,00	Xã Ia Toi và Ia Đal
5	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 168A)	33,70	Xã Ia Toi và Ia Đal
6	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 171)	34,00	Xã Ia Toi và Ia Đal
7	Nhà máy chế biến mủ cao su ChưMomRay của Công ty TNHH MTV Cao su ChưMomRay	7,00	Xã Ia Toi
8	Trụ sở Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	1,60	Xã Ia Toi
9	Kho vật tư Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	0,41	Xã Ia Toi
10	Nhà trẻ Nông trường Cao su Morai 1	0,27	Xã Ia Toi
11	Trung tâm Y tế Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	0,32	Xã Ia Toi
12	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 3	3,14	Xã Ia Đal
13	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 4	0,60	Xã Ia Toi
14	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 1	1,00	Xã Ia Toi
15	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 2	1,50	Xã Ia Đal
16	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Toi	0,15	Xã Ia Toi
17	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Dom	0,15	Xã Ia Dom
18	Đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 47, thôn 2, xã Ia Dom	4,88	Xã Ia Dom
19	Mở rộng điểm dân cư số 47 tại thôn Ia Dom	0,70	Xã Ia Dom
II	Công trình đăng ký mới		
1	Nhà máy chế biến mủ cao su của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Duy Tân	0,20	Xã Ia Toi
2	Khai thác đá xây dựng tiểu khu 771	18,48	Xã Ia Đal
3	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Ia Toi	0,98	Xã Ia Toi
4	Bãi tập kết cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Ia Toi	0,50	Xã Ia Toi
5	Trụ sở Nông trường cao su Suối Cát	0,52	Xã Ia Dom
6	Trạm y tế	0,58	Xã Ia Dom
7	Trường mầm non thôn 2	0,57	Xã Ia Dom
8	Cửa hàng dịch vụ thương mại	0,56	Xã Ia Dom
9	Dự án Trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát (chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp khác)	0,15	Xã Ia Dom
10	Khu ở tập thể CBCNV	0,78	Xã Ia Dom
11	Trường mầm non thôn 1	0,46	Xã Ia Dom
12	Trụ sở Nông trường cao su Bãi Lau	1,05	Xã Ia Đal

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
13	Cửa hàng dịch vụ thương mại	0,44	Xã Ia Đal
14	Trụ sở Nông trường cao su Suối Đá	1,18	Xã Ia Đal

2.3. Các khu vực sử dụng đất khác.

Trong năm 2024, trên địa bàn huyện thực hiện hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai đối với các công trình đã được đầu tư xây dựng nhưng chưa được giao đất nên cần đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bảng 7. Các khu vực sử dụng đất khác

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
I	Các công trình đăng ký làm thủ tục giao đất		
1	Đường quy hoạch TTHC xã Ia Dom	2,00	Xã Ia Dom
2	Đường giao thông số 2 thôn 1, xã Ia Toi; Hạng mục Nền, mặt đường và các công trình phụ trợ	0,99	Xã Ia Toi
3	Đường giao thông thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã đi nhà máy cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Ia H'Drai (D1-1))	0,49	Xã Ia Dom
4	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ4))	0,26	Xã Ia Đal
5	Đường giao thông số 3 thôn 1 xã Ia Toi	0,41	Xã Ia Toi
6	Đường GTNT thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã Ia Dom (D1, D2, D3))	0,33	Xã Ia Dom
7	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ3))	0,24	Xã Ia Đal
8	Đường từ bến đò Làng Núi đi điểm dân cư số 64, Thôn Ia Đor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1,00	Xã Ia Toi
9	Đường giao thông thôn Chư Hem, xã Ia Đal	0,45	Xã Ia Đal
10	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom	0,33	Xã Ia Dom
11	Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (Đ5), thôn Ia Đal, xã Ia Đal	0,26	Xã Ia Đal
12	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom (GĐ2)	0,50	Xã Ia Dom
13	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le (đoạn Km6+475,67 đến Km7+315)	2,00	Xã Ia Đal
14	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km3+426,82 - Km6 +457,67	5,82	Xã Ia Đal
15	Trường TH-THCS Hùng Vương (bậc tiểu học)	1,08	Xã Ia Đal
16	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 3)	0,19	Xã Ia Đal
17	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 7)	0,14	Xã Ia Đal
18	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 8)	0,25	Xã Ia Đal

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
19	Trường TH-THCS Hùng Vương thôn Ia Đal (Điểm chính bậc THCS)	0,74	Xã Ia Đal
20	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường thôn 2, bậc tiểu học)	0,25	Xã Ia Đal
21	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường chính Bậc Trung học thôn 1)	0,91	Xã Ia Toi
22	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường lẻ Bậc tiểu học thôn Ia Đor) điểm dân cư 64	1,06	Xã Ia Toi
23	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 1 bậc tiểu học)	0,95	Xã Ia Toi
24	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 7 bậc tiểu học)	1,13	Xã Ia Toi
25	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 9 bậc tiểu học)	0,36	Xã Ia Toi
26	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du thôn 1	1,23	Xã Ia Dom
27	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du thôn 2	0,20	Xã Ia Dom
28	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du Nông trường 1 Duy Tân thôn 3	0,25	Xã Ia Dom
29	Trường Mầm non Tuổi Ngọc (Điểm trường trung tâm thôn 1)	0,62	Xã Ia Dom
30	Trường Mầm non Tuổi Ngọc, (điểm trường thôn Ia Muung)	0,15	Xã Ia Dom
31	Trường Mầm non Tuổi Ngọc điểm trường nông trường 1 Duy Tân thôn 3	0,58	Xã Ia Dom
32	Trường mầm non Măng Non (Điểm trường Thôn Chư Hem)	0,20	Xã Ia Đal
33	Trường Mầm non Măng Non Thôn Ia Đal (Điểm trường chính)	0,73	Xã Ia Đal
34	Trường Mầm non Măng Non Thôn Ia Đal (Điểm trường thôn 1,2)	0,45	Xã Ia Đal
35	Trường mầm non Hoa Mai, điểm trường chính	0,85	Xã Ia Toi
36	Trường mầm non Hoa Mai, thôn 8	0,43	Xã Ia Toi
37	Trường mầm non Hoa Mai, thôn Ia Dor	0,75	Xã Ia Toi
38	Nhà trẻ BCH đội 1, xã Ia Đal	0,13	Xã Ia Đal
39	Nhà trẻ BCH đội 7, xã Ia Đal	0,18	Xã Ia Đal
40	Nhà trẻ BCH đội 8, xã Ia Đal	0,32	Xã Ia Đal
41	Nhà trẻ BCH đội 9, xã Ia Đal	0,23	Xã Ia Đal
42	Nhà trẻ BCH đội 10, xã Ia Đal	0,24	Xã Ia Đal
43	Đường giao thông tiếp nối với Tỉnh lộ 674 đến đường Tuần tra biên giới xã Mo Rai, huyện Sa Thầy	10,00	Xã Ia Dom

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
II	Khu vực giao đất tại các điểm dân cư cho Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai quản lý, sử dụng theo quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn		
1	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 8, thuộc tiểu khu 726,733	0,24	Xã Ia Đal
2	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733	7,05	Xã Ia Đal
3	Giao đất ở tại nông thôn	1,00	Xã Ia Đal
4	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 9 (Thôn 4, xã Ia Đal), thuộc tiểu khu 726	0,95	Xã Ia Đal
5	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 44, Thôn 1, xã Ia Toi, thuộc tiểu khu 747	2,40	Xã Ia Toi
6	Giao đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 49, thôn Ia Muung, thôn 1, xã Ia Dom	1,73	Xã Ia Dom
7	Giao đất ở Điểm dân cư 3 (vị trí 2 Công ty ĐTPT Duy Tân)	6,50	Xã Ia Dom
8	Giao đất ở Điểm dân cư số 35	7,00	Xã Ia Toi
9	Giao đất ở Điểm dân cư số 36	6,40	Xã Ia Toi
10	Giao đất ở Điểm dân cư số 37	5,95	Xã Ia Toi
11	Giao đất ở Điểm dân cư số 39	5,10	Xã Ia Toi
12	Giao đất ở Điểm dân cư số 40	1,50	Xã Ia Toi
13	Giao đất ở Điểm dân cư số 63	6,50	Xã Ia Toi
14	Giao đất ở Điểm dân cư số 14	17,60	Xã Ia Đal
15	Giao đất ở Điểm dân cư số 15	12,50	Xã Ia Đal
16	Giao đất ở Điểm dân cư số 17	18,10	Xã Ia Đal
17	Giao đất ở Điểm dân cư số 20	12,70	Xã Ia Đal
18	Giao đất ở Điểm dân cư số 33	2,50	Xã Ia Đal
19	Giao đất ở Điểm dân cư số 16	26,59	Xã Ia Đal
20	Giao đất ở Điểm dân cư số 18	12,10	Xã Ia Đal
21	Giao đất ở Điểm dân cư số 19	21,28	Xã Ia Đal
22	Giao đất ở Điểm dân cư số 21	22,61	Xã Ia Đal
23	Giao đất ở Điểm dân cư số 22	12,10	Xã Ia Đal
24	Giao đất ở Điểm dân cư số 24	15,73	Xã Ia Đal
25	Giao đất ở Điểm dân cư số 32	19,93	Xã Ia Đal
26	Giao đất ở Điểm dân cư số 7	27,25	Xã Ia Đal
27	Giao đất ở Điểm dân cư số 9	20,93	Xã Ia Đal
28	Giao đất ở Điểm dân cư số 23	25,50	Xã Ia Đal
29	Giao đất ở Điểm dân cư số 26	24,40	Xã Ia Đal
30	Giao đất ở Điểm dân cư số 27	6,60	Xã Ia Đal

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
31	Giao đất ở Điểm dân cư số 30	11,93	Xã Ia Đal
32	Giao đất ở Điểm dân cư số 31	4,26	Xã Ia Đal
33	Giao đất ở Điểm dân cư số 1	31,89	Xã Ia Dom
34	Giao đất ở Điểm dân cư số 3	21,28	Xã Ia Dom
35	Giao đất ở Điểm dân cư số 4	21,28	Xã Ia Dom
36	Giao đất ở Điểm dân cư số 52	20,00	Xã Ia Dom
37	Giao đất ở Điểm dân cư số 56	13,83	Xã Ia Dom
38	Giao đất ở Điểm dân cư số 47	37,22	Xã Ia Dom
39	Giao đất ở Điểm dân cư số 49	28,34	Xã Ia Dom
40	Giao đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 64	10,30	Xã Ia Toi
III	Khu vực Đấu giá quyền sử dụng đất (đất do UBND xã quản lý)		
1	Đấu giá đất Thương mại dịch vụ lô đất C4 khu trung tâm hành chính huyện	0,57	Xã Ia Toi
2	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1,83	Xã Ia Toi
3	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất các thửa đất tại lô đất ONT thuộc điểm dân cư công nhân số 2, tại thôn 2, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	0,52	Xã Ia Dom
4	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tại điểm dân cư thôn 1 - xã Ia Dom (từ Trung tâm xã Ia Dom đến Km 79+070 QL 14C đến cầu Suối Cát (Km 80+843)	2,00	Xã Ia Dom
5	Giao đất tại điểm dân cư thôn 2 - xã Ia Dom (điểm dân cư số 47)	1,00	Xã Ia Dom
6	Đấu giá đất tại trung tâm hành chính xã Ia Đal	1,36	Xã Ia Đal
7	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (thuộc dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C- Sê San 3)	5,35	Xã Ia Toi
8	Đấu giá quyền sử dụng đất lô đất MDT17, MDT18, MDT21	1,50	Xã Ia Toi
9	Đấu giá các vị trí đất nhỏ, lẻ, xen kẽ khu Trung tâm huyện	1,00	Xã Ia Toi
10	Đấu giá đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu dân cư tại xã Ia Toi	2,00	Xã Ia Toi
11	Đấu giá đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu dân cư tại xã Ia Dom	2,00	Xã Ia Dom

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
12	Đầu giá đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu dân cư tại xã Ia Đal	2,00	Xã Ia Đal

3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.

Căn cứ vào các mục tiêu, định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện Ia H'Drai và tỉnh Kon Tum năm 2024 và các năm tiếp theo, qua rà soát các công trình, dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp nhận chủ trương đầu tư và các công trình, dự án đã ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch, đồng thời cân đối với nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, tổ chức kinh tế, hộ gia đình và cá nhân. Huyện Ia H'Drai xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

Bảng 8. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	91.670,33	91.182,35	-487,98
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	139,96	139,96	0,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>45,39</i>	<i>45,39</i>	<i>0,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.729,26	2.689,52	-39,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.723,71	8.603,26	-120,45
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	80.042,10	79.714,31	-327,79
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>55.636,47</i>	<i>55.457,94</i>	<i>-178,53</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,99	14,99	0,00
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	20,31	20,31	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.346,06	6.834,04	487,98
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	126,09	407,89	281,80
2.2	Đất an ninh	CAN	5,62	6,27	0,65
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,40	20,02	0,62

2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	90,57	93,78	3,21
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	8,08	11,00	2,92
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.001,80	5.143,52	141,72
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	849,53	916,61	67,08
-	Đất thủy lợi	DTL	243,04	272,06	29,02
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,28	5,08	3,80
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,12	9,54	0,42
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	21,34	25,01	3,67
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,23	8,83	6,60
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3.853,76	3.868,81	15,05
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,31	0,39	0,08
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	0,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	5,00	5,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,70	0,70	0,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	18,49	28,49	10,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,30	0,30	0,00
-	Đất chợ	DCH	1,70	2,70	1,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,11	2,46	1,35
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	14,22	14,22
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	601,65	640,90	39,25
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	0,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,82	20,82	0,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,27	2,51	0,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	0,00
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	427,75	427,75	0,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	29,78	29,78	0,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	11,12	13,12	2,00

3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,42	5,42	0,00
----------	-------------------------	------------	-------------	-------------	-------------

3.1. Đất nông nghiệp (NNP).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 83.410,93 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 91.670,33 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 91.182,35 ha.

Giảm 487,98 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

Cụ thể:

3.1.1. Đất chuyên trồng lúa (LUA).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 446,46 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 : 139,96 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 139,96 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 .

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 338,2 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023: 45,39 ha;

Diện tích thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 45,39 ha;

Không biến động so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

Bảng 9. Chỉ tiêu sử dụng đất lúa năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	84,18	84,18	0,00
2	Xã Ia Dom	36,43	36,43	0,00
3	Xã Ia Đal	19,35	19,35	0,00
Tổng		139,96	139,96	0,00

3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 2.242 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 2.729,26 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 2.689,52 ha;

Giảm so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 39,74 ha do chuyển qua đất quốc phòng 1,24 ha; Đất an ninh 0,18 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3,21 ha; Đất phát triển hạ tầng 25,36 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 0,25 ha; Đất ở tại nông thôn 9,5 ha.

Bảng 10. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	1.120,30	1.088,46	-31,84
2	Xã Ia Dom	803,37	800,92	-2,45
3	Xã Ia Đal	805,59	800,14	-5,45
Tổng		2.729,26	2.689,52	-39,74

3.1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 8.566,8 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 8.723,71 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 8.603,26 ha;

Giảm 120,45 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển sang đất quốc phòng 63,1 ha; Đất an ninh 0,47 ha; Đất phát triển hạ tầng 40,53 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 0,58 ha; Đất khu vui chơi giải trí công cộng 8 ha; Đất ở tại nông thôn 7,23 ha; Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,24 ha; Đất phi nông nghiệp khác 0,3 ha.

Bảng 11. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	6.833,64	6.744,96	-88,68
2	Xã Ia Dom	512,11	497,72	-14,39
3	Xã Ia Đal	1.377,96	1.360,58	-17,38
Tổng		8.723,71	8.603,26	-120,45

3.1.4. Đất rừng sản xuất (RSX)

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 70.889,92 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 80.042,1 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 79.714,31 ha;

Giảm so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 327,79 ha.

Nguyên nhân do chuyển sang các loại đất sau: Đất quốc phòng 217,46 ha; Đất thương mại dịch vụ 0,62 ha; Đất sản xuất vật liệu xây dựng 2,92 ha; Đất phát triển hạ tầng 75,83 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 0,52 ha; Đất khu vui chơi giải trí công cộng 6,22 ha; Đất ở tại nông thôn 22,52 ha; Đất phi nông nghiệp khác 1,7 ha.

Hầu hết diện tích đất rừng sản xuất chuyển sang các mục đích khác là đất rừng trồng (cao su,...), đất lâm nghiệp không có rừng (cây bụi, dây leo...).

Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (RSN)

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 55.450,57 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 55.636,47 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 55.457,94 ha;

Giảm so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 178,53 ha.

Nguyên nhân do chuyển sang Đất quốc phòng 166,09 ha để thực hiện dự án DHSCHCB và TTHL; Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 12,44 ha để thực hiện dự án đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H'Drai (lần 1).

Bảng 12. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	30.678,53	30.405,71	-272,82

2	Xã Ia Dom	30.633,30	30.607,95	-25,35
3	Xã Ia Đal	18.730,27	18.700,65	-29,62
Tổng		80.042,10	79.714,31	-327,79

3.1.5. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 34,69 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 14,99 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 14,99 ha;

Sử dụng ổn định so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

Bảng 13. Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	7,40	7,40	0,00
2	Xã Ia Dom	3,27	3,29	0,00
3	Xã Ia Đal	4,32	4,32	0,00
Tổng		14,99	14,99	0,00

3.1.6. Đất nông nghiệp khác (NKH).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 1.231,16 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 20,31 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 20,31 ha;

Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

Bảng 14. Chỉ tiêu sử dụng nông nghiệp khác năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	7,65	7,65	0,00
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	12,66	12,66	0,00
Tổng		20,31	20,31	0,00

3.2. Đất phi nông nghiệp (PNN).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 14.605,49 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 6.346,06 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 6.834,04 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 487,98 ha.

Cụ thể các loại đất sau:

3.2.1. Đất quốc phòng (CQP).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 373,65 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 126,09 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 407,89 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023: 281,8 ha.

Nguyên nhân do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,24 ha; đất trồng cây lâu năm 63,1 ha; Đất rừng sản xuất 217,46 ha. Trong năm 2024 trên

địa bàn huyện Ia H'Drai thực hiện 7 công trình đất Quốc phòng gồm: DTBCH; CDQ1; CDQ2; ; CDQ3; DHSCHCB; TĐ SMPK12,7mm và TTHL.

Bảng 15. Chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	45,94	320,61	274,67
2	Xã Ia Dom	19,27	23,40	4,13
3	Xã Ia Đal	60,88	63,88	3,00
Tổng		126,09	407,89	281,80

3.2.2. Đất an ninh (CAN).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 7,03 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 5,62 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 6,27 ha;

Tăng 0,65 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,18 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,47 ha. Trong năm 2023 trên địa bàn huyện Ia H'Drai thực hiện giao đất xây dựng trụ sở làm việc công an các xã.

Bảng 16. Chỉ tiêu sử dụng đất an ninh năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	5,62	5,82	0,20
2	Xã Ia Dom		0,27	0,27
3	Xã Ia Đal		0,18	0,18
Tổng		5,62	6,27	0,65

3.2.3. Đất thương mại, dịch vụ (TMD).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 115,25 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 19,4 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 20,02 ha;

Tăng 0,62 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển từ đất rừng sản xuất.

Bảng 17. Chỉ tiêu sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	14,58	15,20	0,62
2	Xã Ia Dom	3,23	3,23	0,00
3	Xã Ia Đal	1,59	1,59	0,00
Tổng		19,40	20,02	0,62

3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 237,04 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 90,57 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 93,78 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 3,21 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác. Trong năm 2024 trên địa bàn huyện Ia H'Drai thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến mủ cao su ChưMomRay của Công ty TNHH MTV cao su ChưMomRay.

Bảng 18. Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	59,50	62,71	3,21
2	Xã Ia Dom	10,97	10,97	0,00
3	Xã Ia Đal	20,10	20,10	0,00
Tổng		90,57	93,78	3,21

3.2.5. Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 170,82 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 8,08 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 11,0 ha;

Tăng 2,92 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất rừng sản xuất để thực hiện khai thác đất làm vật liệu xây dựng thông thường.

Bảng 19. Chỉ tiêu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	2,92	5,84	2,92
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	5,16	5,16	0,00
Tổng		8,08	11,00	2,92

3.2.6. Đất phát triển hạ tầng (DHT).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 12.397,71 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 5.001,8 ha;

Diện tích sử dụng đất năm 2024 là: 5.143,52 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 141,72 ha;

Bảng 20. Chỉ tiêu sử dụng đất phát triển hạ tầng năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	4.436,46	4.510,89	74,43
2	Xã Ia Dom	197,28	216,94	19,66
3	Xã Ia Đal	368,06	415,69	47,63
Tổng		5.001,80	5.143,52	141,72

Cụ thể từng loại đất như sau:

- Đất giao thông (DGT):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 1.434,72 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 849,53 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 916,61 ha;

Tăng 67,08 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 5,78 ha; Đất trồng cây lâu năm 16,29 ha; Đất rừng sản xuất 44,46 ha; Đất thủy lợi 0,55 ha để xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

Bảng 21. Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	374,75	412,68	37,93
2	Xã Ia Dom	181,86	197,22	15,36
3	Xã Ia Đal	292,92	306,71	13,79
Tổng		849,53	916,61	67,08

- *Đất thủy lợi (DTL):*

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 441,64 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 243,04 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 272,06 ha;

Tăng 29,02 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

Tăng trong năm kế hoạch 29,57 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 2,97 ha; Đất trồng cây lâu năm 11,3 ha; Đất rừng sản xuất 15,3 ha để hoàn thiện các thủ tục đất đai của Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (*thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai*); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện và xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại các điểm dân cư.

Giảm trong năm kế hoạch 0,55 ha do chuyển sang đất giao thông.

Bảng 22. Chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	179,89	184,76	4,87
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	63,15	87,30	24,15
Tổng		243,04	272,06	29,02

- *Đất văn hóa (DVH):*

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 6,09 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 1,28 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 5,08 ha;

Tăng 3,8 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện dự án Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai.

Bảng 23. Chỉ tiêu sử dụng đất văn hóa năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	0,96	4,76	3,80

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
2	Xã Ia Dom	0,32	0,32	0,00
Tổng		1,28	5,08	3,80

- Đất y tế (DYT):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 18,64 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 9,12 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 9,54 ha;

Tăng 0,42 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất rừng sản xuất để thực hiện dự án Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh).

Bảng 24. Chỉ tiêu sử dụng đất y tế năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	7,42	7,84	0,42
2	Xã Ia Dom	1,70	1,70	0,00
Tổng		9,12	9,54	0,42

- Đất giáo dục (DGD):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 34,61 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 21,34 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 25,01 ha;

Tăng 3,67 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 3,3 ha; đất trồng cây lâu năm 0,37 ha.

Bảng 25. Chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	13,17	16,68	3,51
2	Xã Ia Dom	3,03	3,19	0,16
3	Xã Ia Đal	5,14	5,14	0,00
Tổng		21,34	25,01	3,67

- Đất thể dục thể thao (DTT):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 17,44 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 2,23 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 8,83 ha;

Tăng 6,6 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,63 ha; đất trồng cây lâu năm 5,37 ha; đất rừng sản xuất 0,6 ha.

Bảng 26. Chỉ tiêu sử dụng đất thể dục thể thao năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	2,23	8,83	6,60
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	0,00	0,00	0,00

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
	Tổng	2,23	8,83	6,60

- *Đất công trình năng lượng (DNL):*

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 10.332,26 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 3.853,76 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 3.868,81 ha;

Tăng 15,05 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất rừng sản xuất.

Bảng 27. Chỉ tiêu sử dụng đất năng lượng năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	3.848,61	3.850,91	2,30
2	Xã Ia Dom	0,00	4,10	4,10
3	Xã Ia Đal	5,15	13,80	8,65
	Tổng	3.853,76	3.868,81	15,05

- *Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV):*

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 1,67 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0,31 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 0,39 ha;

Tăng 0,08 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển sang từ đất trồng cây hàng năm khác.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):*

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 23,3 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 5 ha;

Tăng 5 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 1,5 ha; Đất trồng cây lâu năm 3,5 ha. Phân bổ tại xã Ia Toi.

- *Đất cơ sở tôn giáo (TON):*

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 9,51 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0,7 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 0,7 ha;

Không biến động so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023. Phân bổ tại xã Ia Toi.

- *Đất làm nghĩa trang (NTD):*

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 63,49 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 18,49 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 28,49 ha;

Tăng 10 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 6,3 ha; Đất trồng cây lâu năm 3,7 ha.

Bảng 28. Chỉ tiêu sử dụng đất làm nghĩa trang năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	6,42	16,42	10,00
2	Xã Ia Dom	10,37	10,37	0,00
3	Xã Ia Đal	1,70	1,70	0,00
Tổng		18,49	28,49	10,00

- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội (DXH):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 0,3 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 0,3 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 0,3 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

Phân bổ tại xã Ia Toi.

- Đất chợ (DCH):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 12,9 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 1,7 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 2,7 ha;

Tăng 1 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang.

Bảng 29. Chỉ tiêu sử dụng đất chợ năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	1,70	1,70	0,00
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	0,00	1,00	1,00
Tổng		1,70	2,70	1,00

- Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 4,11 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 1,11 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 2,46 ha;

Tăng 1,35 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,25 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,58 ha; Đất rừng sản xuất 0,52 ha.

Bảng 30. Chỉ tiêu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	1,05	1,43	0,38
2	Xã Ia Dom	0,00	0,83	0,83
3	Xã Ia Đal	0,06	0,20	0,14
Tổng		1,11	2,46	1,35

3.2.7. Đất ở tại nông thôn (ONT).

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 787,56 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 601,65 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 640,9 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 39,25 ha do chuyển từ các loại đất trồng cây hàng năm khác 9,5 ha; Đất trồng cây lâu năm 7,23 ha; đất rừng sản xuất 22,52 ha (*Cây cao su*). Diện tích đất ở tại nông thôn tăng là do xây dựng các điểm dân cư công nhân, đất dùng đầu giá quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, để có cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài, Ủy ban nhân dân huyện đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị trồng cao su trên địa bàn huyện thực hiện công tác giao đất về cho Ủy ban nhân dân huyện sử dụng theo quy hoạch.

Bảng 31. Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	201,28	231,38	30,10
2	Xã Ia Dom	175,92	185,07	9,15
3	Xã Ia Đal	224,45	224,45	0,00
Tổng		601,65	640,90	39,25

3.2.8. Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 32,74 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 20,82 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 20,82 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

Bảng 32. Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	15,57	15,57	0,00
2	Xã Ia Dom	1,79	1,79	0,00
3	Xã Ia Đal	3,46	3,46	0,00
Tổng		20,82	20,82	0,00

3.2.9. Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp (DTS):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 4,13 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 2,27 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 2,51 ha;

Tăng 0,24 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang để thực hiện dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

Bảng 33. Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp năm 2024

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Tăng (+), giảm (-)
----	-------------------	-----------------------------------	-------------------------------	-----------------------

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Tăng (+), giảm (-)
1	Ia Toi	0,47	0,71	0,24
2	Ia Dom	1,80	1,80	0,00
3	Ia Đal			0,00
Tổng		2,27	2,51	0,24

3.2.10. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 234,89 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 427,75 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 427,75 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

Bảng 34. Chỉ tiêu sử dụng đất sông suối năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	137,63	137,63	0,00
2	Xã Ia Dom	129,10	129,10	0,00
3	Xã Ia Đal	161,02	161,02	0,00
Tổng		427,75	427,75	0,00

3.2.11. Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 30,19 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 29,78 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 29,78 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

3.2.12. Đất phi nông nghiệp khác (PNK):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 72,04 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 11,12 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 13,12 ha;

Tăng 2 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,3 ha; Đất rừng sản xuất 1,7 ha để hoàn thiện thủ tục đất đai các trạm quản lý bảo vệ rừng, trụ sở các công ty, nông trường của doanh nghiệp trồng cao su trên địa bàn huyện.

Bảng 35. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp khác năm 2024

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	7,93	8,28	0,35
2	Xã Ia Dom	3,19	3,34	0,15
3	Xã Ia Đal	0,00	1,50	1,50
Tổng		11,12	13,12	2,00

3.3. Đất chưa sử dụng (CSD):

Chỉ tiêu quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là: 5,39 ha;

Kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023 là: 5,42 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là: 5,42 ha;
Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2023.

4. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong năm 2024

(chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu số: 07/CH)

Bảng 36. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong năm 2024

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	487,98
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	39,74
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	120,45
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	327,79
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>178,53</i>
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,00

4.1. Diện tích đất nông nghiệp chuyển qua đất phi nông nghiệp:

Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 487,98 ha, cụ thể:

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 39,74 ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 120,45 ha.
- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 327,79 ha.

4.2. Diện tích chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp:

Trong năm 2024 không thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp.

5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024

(Chi tiết đến ĐVHC cấp xã tại biểu số 08/CH)

Bảng 37. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Ia Tơi	Ia Đom	Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)	(5)	(6)	(7)
	Tổng		566,31	450,69	35,43	80,19
1	Đất nông nghiệp	NNP	465,73	386,86	27,92	50,95
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	36,53	28,63	2,45	5,45
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	120,15	88,53	14,24	17,38
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	309,05	269,70	11,23	28,12
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>178,53</i>	<i>178,53</i>		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	100,58	63,83	7,51	29,24
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,03	5,03		
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,00	2,00		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Ia Toi	Ia Dom	Ia Dal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)	(5)	(6)	(7)
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	63,41	34,43	7,51	21,47
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	58,15	29,43	7,51	21,21
-	Đất thủy lợi	DTL	0,59	0,33		0,26
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,49	4,49		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,18	0,18		
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	11,82	11,82		
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,33	0,33		
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	17,99	10,22		7,77

6. Danh mục các công trình, dự án trong năm 2024.

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2024 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, trên địa bàn huyện Ia H'Drai dự kiến thực hiện 1.320,03 ha với các công trình, dự án tại 03 xã.

(Chi tiết đến ĐVHC cấp xã tại biểu số 10/CH).

a. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.

Bảng 38. Các công trình sử dụng đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất Đai để thực hiện thu hồi đất trong năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
1.1.1	Công trình, dự án chuyển tiếp		
1	DTBCH	5,03	Xã Ia Toi
2	DHSCHCB	6,00	Xã Ia Toi
3	TĐ SMPK12,7mm	0,25	Xã Ia Toi
4	TTHL	266,22	Xã Ia Toi
5	CDQ2	2,20	Xã Ia Toi
6	CDQ1	3,00	Xã Ia Đal
7	CDQ3	4,13	Xã Ia Dom
8	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom	0,27	Xã Ia Dom
9	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal	0,18	Xã Ia Đal
10	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Toi	0,20	Xã Ia Toi
1.2	Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		
1.2.1	<i>Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất</i>		
1.2.2	<i>Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất</i>		
2	Công trình, dự án còn lại		
	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
2.1	Công trình chuyển tiếp		
1	Đường giao thông từ cầu Draai đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal
2	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	2,13	Xã Ia Đal
3	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	0,40	Xã Ia Đal
4	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	0,26	Xã Ia Đal
5	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hèm (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	0,88	Xã Ia Đal
6	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1,79	Xã Ia Đal
7	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	0,94	Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
8	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	32,04	Xã Ia Đal
9	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	0,05	Xã Ia Đal
10	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	0,05	Xã Ia Đal
11	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	0,01	Xã Ia Đal
12	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	0,01	Xã Ia Đal
13	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	0,01	Xã Ia Đal
14	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	0,01	Xã Ia Đal
15	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1,00	Xã Ia Đal
16	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	28,11	Xã Ia Toi
17	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi (giai đoạn 2)	0,77	Xã Ia Toi
18	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
19	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
20	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
21	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
22	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
23	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
24	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
25	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
26	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
27	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
28	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	1,10	Xã Ia Toi
29	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
30	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi
31	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	0,30	Xã Ia Toi
32	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
33	Cầu suối đá huyện	2,67	Xã Ia Toi
34	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Toi	2,13	Xã Ia Toi
35	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	1,79	Xã Ia Toi
36	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dor xã Ia Toi	1,00	Xã Ia Toi
37	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	4,91	Xã Ia Toi
38	Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	15,32	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
39	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
40	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
41	Nghĩa trang nhân dân huyện	10,00	Xã Ia Toi
42	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	3,80	Xã Ia Toi
43	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	5,50	Xã Ia Toi
44	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	1,30	Xã Ia Toi
45	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	1,36	Xã Ia Toi
46	Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	5,00	Xã Ia Toi
47	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025	0,24	Xã Ia Toi
48	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,61	Xã Ia Toi
49	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1,39	Xã Ia Toi
50	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4,63	Xã Ia Toi
51	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2,42	Xã Ia Toi
52	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,17	Xã Ia Toi
53	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,60	Xã Ia Toi
54	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia	16,00	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
	H'Drai		
55	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
56	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi
57	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	0,25	Xã Ia Dom
58	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	2,13	Xã Ia Dom
59	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	0,45	Xã Ia Dom
60	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	0,09	Xã Ia Dom
61	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	0,39	Xã Ia Dom
62	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	0,45	Xã Ia Dom
63	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	0,16	Xã Ia Dom
64	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,97	Xã Ia Dom
65	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13,00	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
66	Dự án Xây dựng lưới điện (thôn Chư Hem, xã Ia Đal) thuộc Tiểu dự án 2- Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2014-2020)	5,15	Xã Ia Đal
67	Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	9,90	Xã Ia Toi
68	Xây dựng lắp lưới điện (thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai)	0,11	Xã Ia Toi
69	Xây lắp lưới điện trung tâm huyện Ia H'Drai	0,07	Xã Ia Toi
70	Trạm BTS KTM2018_06	0,04	Xã Ia Dom
71	Trạm BTS KTM2018_07	0,04	Xã Ia Đal
2.2	Công trình, dự án đăng ký mới		
1	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	1,10	Xã Ia Đal
2	Đường GTNT thôn Chư Hem (đường vào Dốc dỏ)	0,74	Xã Ia Đal
3	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	0,20	Xã Ia Đal
4	Đường GTNT thôn Ia Der giai đoạn 1 (Đường vào đội 12)	2,37	Xã Ia Đal
5	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Draih đường Tuần ra biên giới tại khu vực Hồ Le	11,41	Xã Ia Đal
6	Xây dựng nhà văn hóa, công trình phụ trợ khác, sân thể thao thôn 4	0,14	Xã Ia Đal
7	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Toi	0,49	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
8	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7	1,20	Xã Ia Toi
9	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Toi (đoạn đầu nối TL 675A đi sản xuất)	1,20	Xã Ia Toi
10	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia HDai	0,33	Xã Ia Toi
Tổng cộng		566,31	

b. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

Bảng 39. Các dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn trong năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
1.1.1	Công trình, dự án chuyển tiếp		
1	DTBCH	5,03	Xã Ia Toi
2	DHSCHCB	6,00	Xã Ia Toi
3	TĐ SMPK12,7mm	0,25	Xã Ia Toi
4	TTHL	266,22	Xã Ia Toi
5	CDQ2	2,20	Xã Ia Toi
6	CDQ1	3,00	Xã Ia Đal
7	CDQ3	4,13	Xã Ia Dom
8	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom	0,27	Xã Ia Dom
9	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal	0,18	Xã Ia Đal
10	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Toi	0,20	Xã Ia Toi
1.2	Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất		
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		
2	Công trình, dự án còn lại		
	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
2.1	Công trình chuyển tiếp		
1	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
2	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	2,13	Xã Ia Đal
3	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	0,40	Xã Ia Đal
4	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	0,26	Xã Ia Đal
5	Đường giao thông nông thôn thôn Chur Hem (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	0,88	Xã Ia Đal
6	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1,79	Xã Ia Đal
7	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	0,94	Xã Ia Đal
8	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	32,04	Xã Ia Đal
9	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	0,05	Xã Ia Đal
10	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	0,05	Xã Ia Đal
11	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	0,01	Xã Ia Đal
12	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	0,01	Xã Ia Đal
13	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	0,01	Xã Ia Đal
14	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	0,01	Xã Ia Đal
15	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1,00	Xã Ia Đal
16	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	28,11	Xã Ia Toi
17	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi (giai đoạn 2)	0,77	Xã Ia Toi
18	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
19	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
20	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
21	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
22	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
23	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
24	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
25	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
26	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
27	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
28	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	1,10	Xã Ia Toi
29	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
30	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi
31	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	0,30	Xã Ia Toi
32	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
33	Cầu suối đá huyện	2,67	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
34	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Toi	2,13	Xã Ia Toi
35	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	1,79	Xã Ia Toi
36	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dơr xã Ia Toi	1,00	Xã Ia Toi
37	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	4,91	Xã Ia Toi
38	Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	15,32	Xã Ia Toi
39	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
40	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
41	Nghĩa trang nhân dân huyện	10,00	Xã Ia Toi
42	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	3,80	Xã Ia Toi
43	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	5,50	Xã Ia Toi
44	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	1,30	Xã Ia Toi
45	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	1,36	Xã Ia Toi
46	Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	5,00	Xã Ia Toi
47	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025	0,24	Xã Ia Toi
48	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,61	Xã Ia Toi
49	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1,39	Xã Ia Toi
50	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4,63	Xã Ia Toi
51	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2,42	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
52	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,17	Xã Ia Toi
53	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,60	Xã Ia Toi
54	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16,00	Xã Ia Toi
55	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
56	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi
57	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	0,25	Xã Ia Dom
58	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	2,13	Xã Ia Dom
59	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	0,45	Xã Ia Dom
60	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	0,09	Xã Ia Dom
61	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	0,39	Xã Ia Dom
62	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	0,45	Xã Ia Dom
63	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	0,16	Xã Ia Dom
64	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,97	Xã Ia Dom
65	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13,00	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
66	Dự án Xây dựng lưới điện (thôn Chư Hem, xã Ia Đal) thuộc Tiểu dự án 2- Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2014-2020)	5,15	Xã Ia Đal
67	Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	9,90	Xã Ia Toi
68	Xây dựng lắp lưới điện (thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai)	0,11	Xã Ia Toi
69	Xây lắp lưới điện trung tâm huyện Ia H'Drai	0,07	Xã Ia Toi
2.2	Công trình, dự án đăng ký mới		
1	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	1,10	Xã Ia Đal
2	Đường GTNT thôn Chư Hem (đường vào Dốc dò)	0,74	Xã Ia Đal
3	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	0,20	Xã Ia Đal
4	Đường GTNT thôn Ia Der giai đoạn 1 (Đường vào đội 12)	2,37	Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
5	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Draï đường Tuần ra biên giới tại khu vực Hồ Le	11,41	Xã Ia Đal
6	Xây dựng nhà văn hóa, công trình phụ trợ khác, sân thể thao thôn 4	0,14	Xã Ia Đal
7	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Toi	0,49	Xã Ia Toi
8	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7	1,20	Xã Ia Toi
9	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Toi (đoạn đầu nối TL 675A đi sản xuất)	1,20	Xã Ia Toi
10	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia HDai	0,33	Xã Ia Toi

c. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Bảng 40. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
1	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal
2	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1,00	Xã Ia Đal
3	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	28,11	Xã Ia Toi
4	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
5	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
6	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
7	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
8	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
9	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
10	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
11	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
12	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
13	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
14	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	1,10	Xã Ia Toi
15	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
16	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
17	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
18	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16,00	Xã Ia Toi
19	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
20	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi
21	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,97	Xã Ia Dom
22	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13,00	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
23	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Draï đường Tuần ra biên giới tại khu vực Hồ Le	11,41	Xã Ia Đal

7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2024.

- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Căn cứ Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Căn cứ bảng giá bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ những chính sách ưu đãi của nhà nước, của tỉnh đối với những doanh nghiệp thuê đất để đầu tư sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở Danh mục công trình, diện tích các loại đất chuyên đổi mục đích sử dụng đất và diện tích đất sẽ thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất 2023 để phục vụ các công trình trên địa bàn huyện, áp dụng bảng giá đất định kỳ 05 năm trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày

31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum và hệ số điều chỉnh giá theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

7.1. Tổng nguồn thu.

Đơn giá được xác định theo vị trí thực hiện dự án được quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Bảng 41. Tổng nguồn thu trong năm 2024

	Diện tích	Đơn giá (triệu đồng)	Hệ số điều chỉnh giá	Thành tiền (triệu đồng)
Thu từ giao đất				
Đất ở tại nông thôn				94.986,00
<i>Xã Ia Toi</i>	16,5	700	1,20	13.860,00
	13,6	1.800	3,00	73.440,00
<i>Xã Ia Dom</i>	9,15	700	1,20	7.686,00
Thu từ cho thuê đất				0,00
Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	3,21	1.440	1,00	4.622,40
Đất sản xuất vật liệu xây dựng	2,92	300	1,20	1.051,20
Đất thương mại dịch vụ	0,62	560	1,00	347,20
Tổng nguồn thu				101.006,80

7.2. Tổng các khoản chi.

Cơ sở được xác định đơn giá dựa vào vị trí thực hiện các dự án được quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Bảng 42. Tổng nguồn chi trong năm 2024

	Diện tích	Đơn giá	Hệ số điều chỉnh giá	Thành tiền (triệu đồng)
Đất trồng lúa	0,00	230,00	1,60	0,00
Đất trồng cây hàng năm khác	36,53	60,00	1,80	7.890,48
Đất trồng cây lâu năm	120,15	60,00	1,80	25.952,40

	Diện tích	Đơn giá	Hệ số điều chỉnh giá	Thành tiền (triệu đồng)
Đất rừng sản xuất	309,05	45,00	1,50	20.860,88
Đất nuôi trồng thủy sản	0,00	80,00	1,50	0,00
Đất ở tại nông thôn				
Tổng	465,73			54.703,76

8.3. Cân đối các khoản thu chi.

Tổng thu 101.006,80 triệu đồng

Tổng chi 54.703,76 triệu đồng

Tổng thu - Tổng chi = 101.006,80 – 54.703,76 = 46.303,05 triệu đồng.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để đảm bảo thực hiện đạt mục đích, yêu cầu theo các chỉ tiêu sử dụng đất theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo và thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, nông học, hóa học, cơ học... và đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu. Trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất.

Khuyến khích, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất; bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất.

Tiến hành các giải pháp giảm thiểu tác động của xói lở như điều tra hiện trạng, xây dựng giải pháp kỹ thuật phòng chống xói lở.

Ưu tiên bố trí ngân sách để hỗ trợ người dân cải tạo, bồi bổ đất sản xuất nông nghiệp và các dự án về phát triển ngành nghề nông thôn, thu hút lao động, nghiên cứu các giống cây trồng thích ứng với điều kiện suy thoái đất hiện tại của huyện

Việc triển khai các dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, sử dụng đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đất, bảo đảm không làm ô nhiễm, suy giảm, thoái hóa chất lượng đất, không làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 1 Điều 11 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý đất đai và thực hiện tốt chính sách về bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chính sách về đào tạo ngành nghề cho những người bị thiếu đất hoặc mất đất sản xuất nông nghiệp.

Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân

sách Nhà nước để chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

Tăng cường bố trí nguồn vốn phù hợp cho việc phát triển mạnh nguồn nhân lực hiện có, từng bước bồi dưỡng lực lượng cán bộ làm việc tại cơ sở.

Đầu tư nâng cao trình độ dân trí, tăng cường công tác đào tạo lao động kỹ thuật, đào tạo ngành nghề cho những người bị thiếu đất hoặc mất đất sản xuất nông nghiệp,... Đồng thời, huy động vốn đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án bằng việc tạo môi trường thuận lợi như: giá thuê đất, giải phóng mặt bằng, cung cấp dịch vụ hạ tầng, cải cách thủ tục hành chính,... cho các nhà đầu tư.

Ngoài việc huy động vốn từ ngân sách, nguồn vốn từ các doanh nghiệp, cần phải tranh thủ nguồn đầu tư từ các ngành nhằm thực hiện các công trình trọng điểm và các công trình khác bằng cách tăng cường các nguồn thu từ đất thông qua giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá quyền sử dụng đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai tại địa phương.

Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất cho xây dựng các công trình, đặt biệt đối với các công trình giao thông, thủy lợi và đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Tăng cường bồi dưỡng trình độ cán bộ quản lý nhà nước, đảm bảo đủ nhân sự có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, công tác quản lý đất đai. Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở cấp huyện và cán bộ địa chính xã đáp ứng yêu cầu về đổi mới của ngành.

III. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai sẽ đưa vào tổ chức triển khai thực hiện, giao trách nhiệm cụ thể cho các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã triển khai và quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức công bố công khai theo quy định, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Có trách nhiệm cùng với các địa phương rà soát những trường hợp sử dụng đất sai mục đích khác với hồ sơ địa chính và kế hoạch được duyệt, đề xuất phương án sử lý cụ thể theo nguyên tắc vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng đến đời sống của người sử dụng đất.

Các Phòng, Ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện: bám sát vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã được phê duyệt để tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện các thủ tục về đất đúng tiến độ và đúng theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trường hợp có phát sinh các nhu cầu về đất, cần tiến hành các thủ tục đăng ký, xin chủ trương và sẽ bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Ủy ban nhân dân các xã: Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất và đề xuất biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện tốt cơ chế chính sách khuyến khích, đầu tư, bảo vệ, sử dụng tiết kiệm đất

Đối với các chủ đầu tư: Cần chủ động bố trí vốn và ký cam kết để thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện: cần nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, An ninh - Quốc phòng, là cơ sở khoa học và pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thể hiện kết quả trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 vị trí các công trình, quy mô thực hiện dự án làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện các công tác thu hồi, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật. Do đó, kế hoạch sử dụng đất được xây dựng mang tính hệ thống và phù hợp với mục tiêu, chiến lược về phát triển Kinh tế - Xã hội trong thời gian tới.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ia H'Drai được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2021/TT- BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cập nhật kế hoạch phát triển của các ngành, các xã và cân nhắc khả năng đầu tư từ nguồn ngân sách và ngoài ngân sách trên địa bàn huyện; tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định các định hướng lớn về sử dụng đất trên địa bàn cũng như quy trình kỹ thuật, nội dung để xây dựng kế hoạch sử dụng đất, do vậy mà Kế hoạch sử dụng đất mang tính khả thi cao.

Nội dung phương án khẳng định rõ tài nguyên đất đai và triển vọng khai thác sử dụng. Về mặt ý nghĩa sẽ tạo cơ sở đảm bảo cho các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện phát triển đúng hướng, ổn định.

Phân phối đất đai hợp lý để phát triển Kinh tế - Xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Phương án đã chú trọng phân bổ đất đai cho các mục đích Quốc phòng, An ninh, phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng khu dân cư.

Việc phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất được tính toán đáp ứng nhu cầu sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, theo định mức sử dụng đất... khai thác vị trí thuận lợi và những ưu thế của huyện.

II. Kiến nghị.

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai kiến nghị:

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm

2024 của huyện Ia H'Drai để Ủy ban nhân dân huyện có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Các Sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không có hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tăng cường bổ sung kinh phí, đồng thời, tạo điều kiện cho huyện Ia H'Drai tiếp cận những nguồn vốn ưu đãi để đảm bảo kinh phí thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được thực hiện đúng tiến độ, thời gian./.